

Cơ quan: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

KHU ĐAU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT CHO NHÂN DÂN LÀM NHÀ Ở XÃ LIÊN PHƯƠNG (Thôn An Chiểu 2)

(Kèm theo Quyết định số: 2037/QĐ-UBND ngày 21/7/2026 của UBND phường Phố Hiến)

STT	Hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất	Số thửa	Số tờ	Loại đất thu hồi	Tổng diện tích đất được thu hồi (m²)	Diện tích đất thu hồi đủ điều kiện được bồi thường (m²)	Diện tích đất dư so với số (m²)	Bồi thường đất nông nghiệp (Đất trồng cây hàng năm 100.000 đồng/m²; đất trồng cây lâu năm 120.000 đồng/m²)		Hỗ trợ chuyển đổi nghề, tạo việc làm: Đất trồng cây hàng năm 100.000*3=300.000đồng/m² ; Đất trồng cây lâu năm 120.000*3=360.000đồng/m²		Bồi thường hoa màu (lúa, ngô,.....) 10.000 đồng/m²	Bồi thường cây cối hoa màu khác (đồng)	Hỗ trợ tài sản (đồng)	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh (Thực hiện điều 14, quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên)	Thưởng tiền độ bàn giao đất trước thời hạn quy định (Thực hiện điều 17, quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên)	Hỗ trợ đối với chi phí đầu tư cải tạo đất để chuyển đổi cơ cấu cây trồng (Thực hiện khoản 12, điều 26, quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên)	Tổng cộng (đồng)
								Diện tích được bồi thường (m²)	Thành tiền (đồng)	Diện tích (m²)	Thành tiền (đồng)							
1	Phạm Văn Lê (người có QLLQ là Mai Văn Hạnh)	35/1+35/2	139	LUC	666,0	666,0	0,0	666,0	66.600.000	666,00	199.800.000		62.290.000	126.132.000	5.328.000	6.660.000	27.666.000	494.476.000
2	Phạm Văn Lê (người có QLLQ là Nguyễn Văn Tiếp)	35/1+35/2	139	LUC	864,0	864,0	0,0	864,0	86.400.000	864,00	259.200.000		104.878.000	12.279.000	6.912.000	8.640.000	58.144.000	536.453.000
3	Phạm Văn Tuyển (người có QLLQ là Bùi Quốc Thái)	35/3	139	LUC	598,0	576,0	22,0	576,0	57.600.000	576,00	172.800.000		79.360.000	2.458.000	4.608.000	5.760.000	46.080.000	368.666.000
4	Lều Thị Nga	35/4	139	LUC	680,5	462,0	218,5	462,0	46.200.000	462,00	138.600.000		9.316.000		3.696.000	4.620.000		202.432.000
5	Lều Thị Nga	36/1	139	LUC	1.634,0	1.634,0	0,0	1.634,0	163.400.000	1.634,00	490.200.000		57.510.000		8.170.000	16.340.000		735.620.000
6	Lều Thị Nga	6	145	LUC	240,1	108,0	132,1	108,0	10.800.000	108,00	32.400.000				540.000	1.080.000		44.820.000
7	Vũ Thanh Thuận, Vũ Văn Thuận, Vũ Thị Mến, Vũ Thị Suy, Vũ Thị Toan, Vũ Thị Vui, Vũ Thị Lực, Vũ Thị Út	31	139	LUC	828,0	767,0	61,0	767,0	76.700.000	767,00	230.100.000		15.624.000		3.835.000	7.670.000		333.929.000
8	Mai Sinh Nguyên	36/2	139	LUC	654,4	648,0	6,4	648,0	64.800.000	648,00	194.400.000		20.869.000		3.240.000	6.480.000		289.789.000
9	Phạm Văn Thành	36/3	139	LUC	328,5	310,0	18,5	310,0	31.000.000,0	310,00	93.000.000		24.460.000	26.000	2.480.000	3.100.000	18.640.000	172.706.000
10	Phạm Văn Thành	52/6	139	LUC	786,2	784,0	2,2	784,0	78.400.000	784,00	235.200.000		9.172.000		3.920.000	7.840.000		334.532.000
11	Phạm Văn Cảnh	36/6	139	LUC	409,5	400,0	9,5	400,0	40.000.000	400,00	120.000.000		59.440.000	193.000	3.200.000	4.000.000	32.000.000	258.833.000
12	Phạm Văn Cảnh (người có QLLQ là Bùi Quốc Thái)	45/1	139	LUC	518,0	518,0	0,0	518,0	51.800.000	518,00	155.400.000		71.081.000	3.996.000	4.144.000	5.180.000	41.440.000	333.041.000
13	Mai Thanh Thụy	36/8	139	LUC	1.320,2	1.264,0	56,2	1.264,0	126.400.000	1.264,00	379.200.000		94.911.000		6.320.000	12.640.000		619.471.000
14	Mai Đại Đình	36/9	139	LUC	293,6	216,0	77,6	216,0	21.600.000	216,00	64.800.000				1.728.000	2.160.000	6.792.000	97.080.000
15	Mai Đại Đình	43/2	146	LUC	553,2	504,0	49,2	504,0	50.400.000	504,00	151.200.000				4.032.000	5.040.000	40.320.000	250.992.000
	Tài sản ông Mai Đại Đình trên 2 thửa 36/9 và 43/2	36/9+43/2	139	LUC									43.620.000	110.624.000				154.244.000
16	Mai Đại Đình	46	139	LUC	505,3	180,0	325,3	180,0	18.000.000	180,00	54.000.000		19.165.000	4.852.000	1.440.000	1.800.000	14.400.000	113.657.000

STT	Hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất	Số thửa	Số tờ	Loại đất thu hồi	Tổng diện tích đất được thu hồi (m²)	Diện tích đất thu hồi đủ điều kiện được bồi thường (m²)	Diện tích đất dư so với số (m²)	Bồi thường đất nông nghiệp (Đất trồng cây hàng năm 100.000 đồng/m²; đất trồng cây lâu năm 120.000 đồng/m²)		Hỗ trợ chuyển đổi nghề, tạo việc làm: Đất trồng cây hàng năm 100.000*3=300.000đồng/m² ; Đất trồng cây lâu năm 120.000*3=360.000đồng/m²		Bồi thường hoa màu (lúa, ngô,.....) 10.000 đồng/m²	Bồi thường cây cối hoa màu khác (đồng)	Hỗ trợ tài sản (đồng)	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh (Thực hiện điều 14, quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên)	Thưởng tiền độ bàn giao đất trước thời hạn quy định (Thực hiện điều 17, quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên)	Hỗ trợ đối với chi phí đầu tư cải tạo đất để chuyển đổi cơ cấu cây trồng (Thực hiện khoản 12, điều 26, quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên)	Tổng cộng (đồng)
								Diện tích được bồi thường (m²)	Thành tiền (đồng)	Diện tích (m²)	Thành tiền (đồng)							
17	Phạm Văn Thanh (người có QLLQ ông Phan Tất Hải)	45/2	139	LUC	360,0	360,0	0,0	360,0	36.000.000	360,00	108.000.000		1.000.000	4.022.000	1.800.000	3.600.000		154.422.000
18	Phạm Văn Thanh	36/4	139	LUC	566,7	558,0	8,7	558,0	55.800.000	558,00	167.400.000				2.790.000	5.580.000		231.570.000
19	Phạm Văn Tuyền	36/5	139	LUC	385,0	367,0	18,0	367,0	36.700.000	367,00	110.100.000				1.835.000	3.670.000		152.305.000
	Tài sản ông Phạm Văn Đà (làm trên đất ông Phạm Văn Thanh và Phạm Văn Tuyền)	36/4+36/5	139	LUC									32.665.000	2.913.000				35.578.000
20	Phạm Văn Thanh	52/3	139	LUC	1.321,0	1.321,0	0,0	1.321,0	132.100.000	1.321,00	396.300.000				10.568.000	13.210.000	94.160.000	646.338.000
21	Phạm Văn Đà	52/2	139	LUC	380,8	378,0	2,8	378,0	37.800.000	378,00	113.400.000				3.024.000	3.780.000	30.240.000	188.244.000
	Tài sản ông Phạm Văn Thanh làm trên đất Phạm Văn Thanh và Phạm Văn Đà	52/2 + 53/3	139										95.040.000	9.672.000				104.712.000
22	Phạm Văn Đà	36/7	139	LUC	161,3	126,0	35,3	126,0	12.600.000	126,00	37.800.000				1.008.000	1.260.000	10.080.000	62.748.000
23	Phạm Thị Dậu, Phạm Thị Đỗ, Phạm Thị Bột, Phạm Xuân Diệu, Phạm Văn Lê, Phạm Thị Liệu, Vũ Thị Lan, Phạm Kiên Anh, Phạm Thị Ngà, Phạm Thị Ngọc	52/1	139	LUC	644,0	587,0	57,0	587,0	58.700.000	587,00	176.100.000		13.006.000		2.935.000	5.870.000		256.611.000
24	Mai Thị Lương	52/4	139	LUC	1.508,0	1.508,0	0,0	1.508,0	150.800.000	1.508,00	452.400.000		17.063.000	813.000	12.064.000	15.080.000	78.640.000	726.860.000
25	Lều Quốc Việt	52/5	139	LUC	1.267,0	1.267,0	0,0	1.267,0	126.700.000	1.267,00	380.100.000		58.934.000	13.662.000	10.136.000	12.670.000	70.096.000	672.298.000
26	Lều Quốc Việt	54/6	139	LUC	479,9	469,0	10,9	469,0	46.900.000	469,00	140.700.000				3.752.000	4.690.000	0	196.042.000
27	Đỗ Văn Phi (Người có QLLQ là Lều Quốc Việt)	54/5	139	LUC	380,4	378,0	2,4	378,0	37.800.000	378,00	113.400.000				3.024.000	3.780.000	0	158.004.000
	Tài sản ông Lều Quốc Việt (làm trên đất của Đỗ Văn Phi)	54/5+54/6	139	LUC									20.693.000	16.522.000				37.215.000
28	Lều Quốc Việt	43/3	146	LUC	714,1	619,0	95,1	619,0	61.900.000	619,00	185.700.000		24.450.000	24.655.000	4.952.000	6.190.000	49.520.000	357.367.000
29	Lều Đức Hiền	52/7	139	LUC	781,4	698,0	83,4	698,0	69.800.000	698,00	209.400.000	3.907.000	4.884.000	312.000	3.490.000	6.980.000		298.773.000

STT	Hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất	Số thửa	Số tờ	Loại đất thu hồi	Tổng diện tích đất được thu hồi (m²)	Diện tích đất thu hồi đủ điều kiện được bồi thường (m²)	Diện tích đất dư so với số (m²)	Bồi thường đất nông nghiệp (Đất trồng cây hàng năm 100.000 đồng/m²; đất trồng cây lâu năm 120.000 đồng/m²)		Hỗ trợ chuyển đổi nghề, tạo việc làm: Đất trồng cây hàng năm 100.000*3=300.000đồng/m² ; Đất trồng cây lâu năm 120.000*3=360.000đồng/m²		Bồi thường hoa màu (lúa, ngô,.....) 10.000 đồng/m²	Bồi thường cây cối hoa màu khác (đồng)	Hỗ trợ tài sản (đồng)	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh (Thực hiện điều 14, quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên)	Thưởng tiền độ bàn giao đất trước thời hạn quy định (Thực hiện điều 17, quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên)	Hỗ trợ đối với chi phí đầu tư cải tạo đất để chuyển đổi cơ cấu cây trồng (Thực hiện khoản 12, điều 26, quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên)	Tổng cộng (đồng)
								Diện tích được bồi thường (m²)	Thành tiền (đồng)	Diện tích (m²)	Thành tiền (đồng)							
30	Vũ Thanh Thuận	52/8	139	LUC	1.887,1	1.804,0	83,1	1.804,0	180.400.000	1.804,00	541.200.000	9.436.000	18.871.000		9.020.000	18.040.000		776.967.000
31	Hà Tất Thắng	52/9	139	LUC	1.645,7	1.494,0	151,7	1.494,0	149.400.000	1.494,00	448.200.000		33.914.000	2.816.000	7.470.000	14.940.000		656.740.000
32	Mai Văn Ngừ	53	139	LUC	1.514,4	1.314,0	200,4	1.314,0	131.400.000	1.314,00	394.200.000		18.930.000	1.632.000	6.570.000	13.140.000		565.872.000
33	Đỗ Văn Tân, Đỗ Thị Phương, Đỗ Xuân Trường, Đỗ Văn Chính, Đỗ Thị Dư, Đỗ Văn Phi, Đỗ Văn Thanh, Đỗ Thị Liệu, Đỗ Văn Thêm, Đỗ Thị Nụ	54/1	139	LUC	583,7	576,0	7,7	576,0	57.600.000	576,00	172.800.000				4.608.000	5.760.000	0	240.768.000
34	Đỗ Đức Chính	54/2	139	LUC	537,5	529,0	8,5	529,0	52.900.000	529,00	158.700.000				4.232.000	5.290.000	0	221.122.000
	Tài sản ông Đỗ Đức Chính (làm trên đất ông Đỗ Văn Tân và Đỗ Đức Chính)	54/1+54/2	139	LUC									85.562.000	2.193.000				87.755.000
35	Mai Ngọc Xanh	54/3	139	LUC	338,4	313,0	25,4	313,0	31.300.000	313,00	93.900.000		6.768.000		1.565.000	3.130.000		136.663.000
36	Đặng Thị Hạnh	54/4	139	LUC	250,5	169,0	81,5	169,0	16.900.000	169,00	50.700.000		5.010.000		845.000	1.690.000		75.145.000
37	Đỗ Xuân Trường	54/7	139	LUC	432,5	410,0	22,5	410,0	41.000.000	410,00	123.000.000		26.000.000		2.050.000	4.100.000	12.800.000	208.950.000
38	Mai Văn Thinh	43/1	146	LUC	171,6	144,0	27,6	144,0	14.400.000	144,00	43.200.000		9.815.200	933.785	1.152.000	1.440.000	11.520.000	82.461.000
Tổng					27.190,5	25.290,0	1.900,5	25.290,0	2.529.000.000	25.290	7.587.000.000	13.343.000	1.144.301.000	340.706.000	162.483.000	252.900.000	642.538.000	12.672.271.000



Ký bởi: ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG
PHỞ HIỀN
Cơ quan: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
HƯNG YÊN

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

Kèm theo Quyết định số: 2037/QĐ-UBND ngày 21/7/2026 của UBND phường Phở Hiền

- Họ và tên:
- Mã định danh cá nhân:
- Địa chỉ:
- Vị trí thửa đất thu hồi:
- Nguồn gốc đất thu hồi:
- Phương án bồi thường, hỗ trợ theo bảng sau:

Phạm Văn Lê (người có QLLQ là Mai Văn Hạnh)

TDP An Chiêu, Phường Phở Hiền
Tờ bản đồ số: 139 Thửa số: 35/1+35/2
Nhà nước giao đất theo ND64/CP

STT	Hạng mục công trình	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)
A	ĐẤT ĐAI					
1	Tổng diện tích đất thu hồi	m2	666,00			
2	Diện tích đất trồng cây hàng năm (LUC)	m2	666,00	100.000	1,0	66.600.000
3	Diện tích đất dư	m2	0,00	0		
	CỘNG A					66.600.000
B	TÀI SẢN					
I	Tài sản xây dựng không đúng mục đích sử dụng đất được hỗ trợ theo Quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên					
1	Nhà 1 tầng tường 110, mái tôn chống nóng, móng bằng BTCT KT: (9x7,55x3,9)m	m2	67,95	2.984.615	0,30	60.841.377
2	Lát nền ceramic 50x50 KT: (8,8x7,35+1x4,2)m	m2	68,88	359.110	0,30	7.420.649
3	Bậc xây gạch chỉ KT: (1x4,2x0,2)m	m3	0,84	1.869.307	0,30	471.065
4	Nhà WC ốp gạch ceramic 0,3x0,5 KT: (2,8 + 1,4) x 2 x 1,8 Trừ cửa: - (0,7 x 1,8)	m3	13,86	563.183	0,30	2.341.715
5	Tháo dỡ, di chuyển 1 chậu rửa có chân	bộ	1,00	39.797	0,30	11.939
	Tháo dỡ, di chuyển 1 xi bệt	bộ	1,00	54.269	0,30	16.281
	Tháo dỡ, di chuyển 1 bình nóng lạnh	bộ	1,00	72.358	0,30	21.707
6	Bàn bếp xây gạch chỉ 110 KT: 0,7x0,6x3x0,11	m3	0,14	2.165.333	0,30	90.035
7	Tấm BTCT dày 0,1 KT: (0,6x1,8+0,8x0,6)x0,1	m3	0,16	3.000.140	0,30	140.407
8	Ốp mặt bếp gạch 0,3*0,6 KT: 0,6x1,8+0,8x0,6	m2	1,56	563.183	0,30	263.570
9	Ốp tường bếp 250*400 KT: (1,8 + 1,4)x0,9	m2	2,88	423.906	0,30	366.255
10	Téc nước nhựa đứng 2000l	cái	1,00	820.542	0,30	246.163
11	Trần thạch cao KT: 5,9x7,35	m2	43,37	368.185	0,30	4.789.903

12	Điều hòa	cái	2,00	217.075	0,30	130.245
13	Tường vôi ve KT: [(8,8 + 7,35) x 2 x 3,5]+[(5,9 + 7,35) x 2 x 3,5]	m2	205,80	16.279	0,30	1.005.065
14	Mái vẩy không tường tôn lạnh	m2	9,00	715.952	0,30	1.933.070
15	Riềm tôn KT: (1,6+9) X 0,9	m2	9,54	364.548	0,30	1.043.336
16	Nền láng vữa xi măng KT: 9 x 5 m	m2	45,00	198.135	0,30	2.674.823
17	Tường gạch chỉ 110 KT: 10,5 x 1,6 m	m3	1,85	2.165.333	0,30	1.200.461
18	Tường gạch ba banh 110 KT: 3,1x1,6x0,11+(1,9+1,9)x1,9x0,11+(5,5+4,1)x1,7x0,11	m3	3,14	1.612.337	0,30	1.516.403
19	Trụ gạch ba banh KT: 0,35x0,35x1,8x2+0,5x0,5x2,1x2	m3	1,49	2.474.534	0,30	1.106.859
20	Dây thép gai KT: 3,1m x 4	m	12,40	10.000	0,30	37.200
21	Cánh cổng sắt KT: 2,2x1,9+4,1x2	m2	12,38	133.744	0,30	496.725
22	Mái tôn vẩy không tường lợp tôn thường cao 2,8m KT: 5,5 x 4,1 m	m2	22,55	628.679	0,30	4.253.013
23	Mái tôn vẩy có tường cao 2,9m KT: 7,4 x 2,5 m	m2	18,50	2.033.079	0,30	11.283.588
24	Nền láng vữa xi măng cát vàng KT: 7,4 x 2,5 m	m2	18,50	198.135	0,30	1.099.649
25	Ốp chân tường gạch ceramic 0,1x0,15 KT: (8,8x7,35)x2x0,15+(5,9+7,35)x2x0,15	m2	23,38	322.987	0,30	2.265.334
26	Chuồng chó xây gạch chỉ mái fibro xi măng KT: 1,8x2,15x1,3 cao	m2	3,87	1.789.325	0,30	2.077.406
27	Sân lát gạch chỉ dày 0,1 KT: 1,4x15m	m2	21,00	280.705	0,30	1.768.442
28	Kè ao gạch ba banh 110 KT: (11,3+14,5) x 1,3 x 2 tường	m3	7,38	2.257.640	0,30	4.997.602
29	Tường gạch KT: 14,5x0,6x0,11m	m3	0,96	2.165.333	0,30	621.667
30	Cọc BTCT KT: 0,1x0,1x1m x 6 cọc	md	0,60	165.000	0,30	29.700
31	Bê phốt	m3	5,00	2.381.911	0,30	3.572.867
32	Tường rào gạch ba banh bổ trụ 110 KT: (55x1,6)+(1,6x1,9)	m3	10,01	1.612.337	0,30	4.843.976
33	Dây thép gai 55m 2 sợi	m	110,00	10.000	0,30	330.000
34	Tường xây gạch chỉ 220 KT: 1,6 x 4 m	m3	1,41	1.949.168	0,30	823.329
	Cộng B					126.132.000

C	CÂY CỎI HOA MÀU, VẬT NUÔI					
I	Cây trồng đủ điều kiện bồi thường, hỗ trợ		345,83			
1	Rau màu các loại	m2	20	20.000	1,00	400.000
II	Cây trồng được hỗ trợ công chặt hạ, thu dọn, di chuyển theo Quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên					
1	Cây nhãn đường kính gốc 25cm	cây	2	3.850.000	0,80	6.160.000
2	Cây nhãn đường kính gốc 30cm	cây	3	3.850.000	0,80	9.240.000
3	Cây nhãn đường kính gốc 20cm	cây	8	3.850.000	0,80	24.640.000
4	Cây nhãn đường kính gốc 35cm	cây	1	4.500.000	0,80	3.600.000
III	Cây trồng chính vượt mật độ được hỗ trợ công chặt hạ, thu dọn, di chuyển theo Quyết định 149 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên					
1	Cây nhãn đường kính gốc 20cm	cây	3	3.850.000	0,24	2.772.000
2	Cây nhãn đường kính gốc 15cm	cây	3	3.750.000	0,24	2.700.000
IV	Cây trồng xen hỗ trợ 30% công chặt hạ, thu dọn, di chuyển theo Quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên					
1	Cây bưởi đường kính gốc 15cm	cây	12	2.500.000	0,24	7.200.000
2	Cây bưởi đường kính gốc 25cm	cây	1	3.000.000	0,24	720.000
3	Cây bưởi đường kính gốc 20cm	cây	4	2.500.000	0,24	2.400.000
V	Vật nuôi là thủy sản nuôi trồng trên đất không hợp pháp được hỗ trợ theo Quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên					
1	Ao nuôi cá các loại KT: (11,3x14,5)m	m2	163,85	30.000	0,50	2.457.750
VI	Cây trồng, vật nuôi không được bồi thường					
1	Cây nhãn đường kính gốc 15cm	cây	6			
2	Cây nhãn đường kính gốc 10cm	cây	9			
3	Cây hồng xiêm đường kính gốc 5cm	cây	1			
4	Cây sung đường kính gốc 20cm	cây	1			
5	Cây vối đường kính gốc 20cm	cây	1			
6	Cây bưởi đường kính gốc 05cm	cây	1			
7	Cây bưởi đường kính gốc 10cm	cây	2			
8	Cây bưởi đường kính gốc 15cm	cây	1			
	Cộng C					62.290.000
D	CÁC KHOẢN HỖ TRỢ					
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm (300.000đ/m²)	m²	666	100.000	3,00	199.800.000

2	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh (Thực hiện điều 14, quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên)	m ²	666	8.000	1,00	5.328.000
3	Thưởng tiền độ bàn giao đất trước thời hạn quy định (Thực hiện điều 17, quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên)	m ²	666	10.000	1,00	6.660.000
4	Hỗ trợ đối với chi phí đầu tư cải tạo đất để chuyển đổi cơ cấu cây trồng (Thực hiện khoản 12, điều 26, quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên)	m ²	345,83	100.000	0,8	27.666.000
	Cộng D					239.454.000
	Tổng cộng (A+B+C+D)					494.476.000



Ký bởi: ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG
PHỔ HIỀN
Cơ quan: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
HƯNG YÊN

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

Kèm theo Quyết định số: 2037/QĐ-UBND ngày 21/7/2026 của UBND phường Phở Hiền)

- Họ và tên: Phạm Văn Lê (người có QLLQ là Nguyễn Văn Tiếp)
- Mã định danh cá nhân:
- Địa chỉ: TDP An Chiêu, Phường Phở Hiền
- Vị trí thửa đất thu hồi: Tờ bản đồ số: 139 Thửa số: 35(1)+35(2)
- Nguồn gốc đất thu hồi: Nhà nước giao đất theo ND64/CP
- Phương án bồi thường, hỗ trợ theo bảng sau:

STT	Hạng mục công trình	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)
A	ĐẤT ĐAI					
1	Tổng diện tích đất thu hồi	m2	864,00			
2	Diện tích đất trồng cây hàng năm(LUC)	m2	864,00	100.000	1,00	86.400.000
3	Diện tích đất dư	m2	0,00			0
	CỘNG A					86.400.000
B	TÀI SẢN					
I	Tài sản xây dựng không đúng mục đích sử dụng đất được hỗ trợ theo Quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên					
1	Tường xây gạch ba banh có bổ trụ dày 110 KT: (53x1,6x0,11)m+(10x2x0,11)m	m3	11,53	1.612.337	0,30	5.576.106
2	Tường xây gạch ba banh dày 110 KT: (12,3x1,8x0,11)m	m3	2,44	1.612.337	0,30	1.178.006
3	Cổng sắt bít tôn KT: (3,2x1,6)m	m2	5,12	133.744	0,30	205.431
4	Kè ao xung quanh gạch ba banh dày 110 KT: (14+9,8)x2x1,5x0,11	m3	7,85	2.257.640	0,30	5.319.451
	Cộng B					12.279.000
C	CÂY CỎI HOA MÀU, VẬT NUÔI					
I	Cây trồng đủ điều kiện bồi thường, hỗ trợ					
II	Cây trồng được hỗ trợ công chặt hạ, thu dọn, di chuyển theo Quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên		726,8			
1	Cây nhãn đường kính gốc Ø35cm	cây	9	4.500.000	0,80	32.400.000
2	Cây nhãn đường kính gốc Ø30cm	cây	6	3.850.000	0,80	18.480.000
3	Cây nhãn đường kính gốc Ø25cm	cây	5	3.850.000	0,80	15.400.000
4	Cây nhãn đường kính gốc Ø20cm	cây	9	3.850.000	0,80	27.720.000
III	Cây trồng chính vượt mật độ được hỗ trợ công chặt hạ, thu dọn, di chuyển theo Quyết định 149 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên					
1	Cây nhãn đường kính gốc Ø20cm	cây	7	3.850.000	0,24	6.468.000

IV	Cây trồng xen hỗ trợ 30% công chặt hạ, thu dọn, di chuyển theo Quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên					
1	Cây bưởi đường kính gốc Ø20cm	cây	2	2.500.000	0,24	1.200.000
2	Cây bưởi đường kính gốc Ø10cm	cây	1	1.800.000	0,24	432.000
3	Cây bưởi đường kính gốc Ø25cm	cây	1	3.000.000	0,24	720.000
V	Vật nuôi là thủy sản nuôi trồng trên đất không hợp pháp được hỗ trợ theo Quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên					
1	Ao nuôi cá các loại KT: (14x9,8)m	m2	137,20	30.000	0,50	2.058.000
VI	Cây trồng, vật nuôi không được bồi thường					
1	Cây sung đường kính gốc Ø25cm	cây	1,00			
2	Cây ổi đường kính gốc Ø15cm	cây	1,00			
3	Cây sung đường kính gốc Ø20cm	cây	1,00			
4	Cây đinh lăng đường kính gốc Ø7cm	cây	1,00			
5	Cây hồng xiêm đường kính gốc Ø10cm	cây	1,00			
6	Cây quất đường kính gốc Ø3cm	cây	1,00			
7	Cây bơ đường kính gốc Ø15cm	cây	2,00			
8	Cây mít đường kính gốc Ø10cm	cây	1,00			
9	Bụi ráy	bụi	50,00			
11	Cây nhãn đường kính gốc Ø20cm	cây	5			0
12	Cây nhãn đường kính gốc Ø10cm	cây	2			0
	Cộng C					104.878.000
D	CÁC KHOẢN HỖ TRỢ					
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm (300.000đ/m ²)	m ²	864,00	100.000	3,00	259.200.000
2	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh (Thực hiện điều 14, quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên)	m ²	864,00	8.000	1,00	6.912.000
3	Thưởng tiến độ bàn giao đất trước thời hạn quy định (Thực hiện điều 17, quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên)	m ²	864,00	10.000	1,00	8.640.000
4	Hỗ trợ đối với chi phí đầu tư cải tạo đất để chuyển đổi cơ cấu cây trồng (Thực hiện khoản 12, điều 26, quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên)	m ²	726,80	100.000	0,8	58.144.000
	Cộng D					332.896.000
	Tổng cộng (A+B+C+D)					536.453.000



Ký bởi: ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG
PHỔ HIỀN
Cơ quan: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
HUNG YEN

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

(Kèm theo Quyết định số: 2037/QĐ-UBND ngày 21/7/2026 của UBND phường Phở Hiền)

- Họ và tên:
- Mã định danh cá nhân:
- Địa chỉ:
- Vị trí thửa đất thu hồi:
- Nguồn gốc đất thu hồi:
- Phương án bồi thường, hỗ trợ theo bảng sau:

Phạm Văn Tuyền (người có QLLQ là Bùi Quốc Thái)

TDP An Chiểu, Phường Phở Hiền

Tờ bản đồ số: 139 Thửa số: 35/3

Nhà nước giao đất theo ND64/CP

STT	Hạng mục công trình	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)
A	ĐẤT ĐAI					
1	Tổng diện tích đất thu hồi	m2	598,00			
2	Diện tích đất trồng cây hàng năm(LUC)	m2	576,00	100.000	1,00	57.600.000
3	Diện tích đất dư	m2	22,00			
	CỘNG A					57.600.000
B	TÀI SẢN					
I	Tài sản xây dựng không đúng mục đích sử dụng đất được hỗ trợ theo Quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên					
1	Tường gạch ba banh hỗ trợ 110 kích thước (1,5*21)+(21*0,7)	m3	5,08	1.612.337	0,30	2.458.169
	Cộng B					2.458.000
C	CÂY CỎI HOA MÀU, VẬT NUÔI					
I	Cây trồng đủ điều kiện bồi thường, hỗ trợ		598,0			
1	Cây ráy 30 bụi	m2	15	20.000	1,00	300.000
II	Cây trồng được hỗ trợ chặt hạ, thu dọn, di chuyển theo Quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên					
1	Nhân đường kính gốc 40cm	cây	1	4.500.000	0,80	3.600.000
2	Nhân đường kính gốc 20cm	cây	10	3.850.000	0,80	30.800.000
3	Nhân đường kính gốc 25cm	cây	9	3.850.000	0,80	27.720.000
4	Nhân đường kính gốc 30cm	cây	4	3.850.000	0,80	12.320.000
III	Cây trồng chính vượt mật độ được hỗ trợ chặt hạ, thu dọn, di chuyển theo Quyết định 149 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên					
1	Nhân đường kính gốc 20cm	cây	1	3.850.000	0,24	924.000
2	Nhân đường kính gốc 15cm	cây	4	3.750.000	0,24	3.600.000
IV	Cây trồng xen hỗ trợ 30% công chặt hạ, thu dọn, di chuyển theo Quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên					
1	Chuối to	khóm	2	200.000	0,24	96.000

V	Cây trồng, vật nuôi không được bồi thường					
1	Nhãn đường kính gốc 10cm	cây	6	0	0,00	0
2	Nhãn đường kính gốc 15cm	cây	5	0	0,00	0
	Cộng C					79.360.000
D	CÁC KHOẢN HỖ TRỢ					
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm (300.000đ/m ²)	m ²	576	100.000	3,00	172.800.000
2	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh (Thực hiện điều 14, quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên)	m ²	576	8.000	1,00	4.608.000
3	Thưởng tiền độ bàn giao đất trước thời hạn quy định (Thực hiện điều 17, quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên)	m ²	576	10.000	1,00	5.760.000
4	Hỗ trợ đối với chi phí đầu tư cải tạo đất để chuyển đổi cơ cấu cây trồng (Thực hiện khoản 12, điều 26, quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên)	m ²	576,00	100.000	0,8	46.080.000
	Cộng D					229.248.000
	Tổng cộng (A+B+C+D)					368.666.000



Ký bởi: ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG
PHỔ HIỀN
Cơ quan: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
HƯNG YÊN

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

(Kèm theo Quyết định số: 2037/QĐ-UBND ngày 21/7/2026 của UBND phường Phổ Hiền)

- Họ và tên:
- Mã định danh cá nhân:
- Địa chỉ:
- Vị trí thửa đất thu hồi:
- Nguồn gốc đất thu hồi:
- Phương án bồi thường, hỗ trợ theo bảng sau:

Lều Thị Nga

TDP An Chiêu, Phường Phổ Hiền

Tờ bản đồ số: 139 Thửa số: 35/4

Nhà nước giao đất theo NĐ64/CP

STT	Hạng mục công trình	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)
A	ĐẤT ĐAI					
1	Tổng diện tích đất thu hồi	m2	680,50			
2	Diện tích đất trồng cây hàng năm (LUC)	m ²	462,0	100.000	1,00	46.200.000
3	Diện tích đất dư	m2	218,50			0
	CỘNG A					46.200.000
B	TÀI SẢN					
I	Tài sản xây dựng không đúng mục đích sử dụng đất được hỗ trợ theo Quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên					
	Cộng B					0
C	CÂY CỎI HOA MÀU, VẬT NUÔI					
I	Cây trồng đủ điều kiện bồi thường, hỗ trợ					
1	Trồng rau muống bằng 2/5 diện tích	m2	272,20	20.000	1,0	5.444.000
II	Cây trồng được hỗ trợ công chặt hạ, thu dọn, di chuyển theo Quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên					
1	Trồng chuối to 100 cây	khóm	20,00	200.000	0,8	3.200.000
III	Cây trồng chính vượt mật độ được hỗ trợ công chặt hạ, thu dọn, di chuyển theo Quyết định 149 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên					
1	Trồng chuối to 70 cây	khóm	14,00	200.000	0,24	672.000
IV	Cây trồng, vật nuôi không được bồi thường					
1	Trồng chuối to 65 cây	khóm	13,00	0	0,0	0
2	Trồng chuối nhỏ 101 cây	khóm	20,00	0	0,0	0
	Cộng C					9.316.000
D	CÁC KHOẢN HỖ TRỢ					
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm (300.000đ/m ²)	m ²	462,00	100.000	3,00	138.600.000

2	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh (Thực hiện điều 14, quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên)	m ²	462,00	8.000	1,00	3.696.000
3	Thưởng tiền độ bàn giao đất trước thời hạn quy định (Thực hiện điều 17, quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên)	m ²	462,00	10.000	1,00	4.620.000
	Cộng D					146.916.000
	Tổng cộng (A+B+C+D)					202.432.000



Ký bởi: ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG
PHỔ HIỀN
Cơ quan: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
HƯNG YÊN

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

(Theo theo Quyết định số: 2037/QĐ-UBND ngày 21/7/2026 của UBND phường Phổ Hiền)

1. Họ và tên:
2. Mã định danh cá nhân:
3. Địa chỉ:
4. Vị trí thửa đất thu hồi:
5. Nguồn gốc đất thu hồi:
6. Phương án bồi thường, hỗ trợ theo bảng sau:

Lều Thị Nga

TDP An Chiểu, Phường Phổ Hiền

Tờ bản đồ số: 139 Thửa số: 36/1

Nhà nước giao đất theo NĐ64/CP

STT	Hạng mục công trình	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)
A	ĐẤT ĐAI					
1	Tổng diện tích đất thu hồi	m2	1.634,00			
2	Diện tích đất trồng cây hàng năm (LUC)	m ²	1.634,0	100.000	1,00	163.400.000
3	Diện tích đất dư	m2	0,00			
	CỘNG A					163.400.000
B	TÀI SẢN					
	Cộng B					0
C	CÂY CỎI HOA MÀU, VẬT NUÔI					
I	Cây trồng đủ điều kiện bồi thường, hỗ trợ					
II	Cây trồng được hỗ trợ công chặt hạ, thu dọn, di chuyển theo Quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên		413,0			
1	Cây nhãn đường kính 35cm	cây	2	4.500.000	0,50	4.500.000
2	Cây nhãn đường kính 40cm	cây	2	4.500.000	0,50	4.500.000
3	Cây nhãn đường kính 25cm	cây	6	3.850.000	0,50	11.550.000
4	Cây nhãn đường kính 30cm	cây	6	3.850.000	0,50	11.550.000
III	Cây trồng chính vượt mật độ được hỗ trợ công chặt hạ, thu dọn, di chuyển theo Quyết định 149 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên					
1	Cây nhãn đường kính 25cm	cây	1	3.850.000	0,15	577.500
IV	Cây trồng xen hỗ trợ 30% công chặt hạ, thu dọn, di chuyển theo Quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên					
1	Cây mít đường kính 7cm	cây	2	500.000	0,15	150.000
2	Cây mít đường kính 15cm	cây	2	1.000.000	0,15	300.000
3	Cây mít đường kính 20cm	cây	1	1.500.000	0,15	225.000
4	Cây mít đường kính 35cm	cây	1	2.000.000	0,15	300.000
5	Cây mít đường kính 45cm	cây	1	2.800.000	0,15	420.000
V	Vật nuôi là thủy sản nuôi trồng trên đất không hợp pháp được hỗ trợ theo Quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên					
1	Ao nuôi cá trắm, cá chép 33x37m	m2	1.221	38.390	0,50	23.437.095
V	Cây trồng, vật nuôi không được bồi thường					
1	Cây nhãn đường kính 20cm	cây	3	0	0,00	0
2	Cây sung đường kính 13cm	cây	1	0	0,00	0

3	Cây sung đường kính 30cm	cây	1	0	0,00	0
4	Cây sung đường kính 40cm	cây	1	0	0,00	0
5	Cây bưởi đường kính 15cm	cây	1	0	0,00	0
6	Cây vối đường kính 35cm	cây	1	0	0,00	0
7	Cây roi đường kính 25cm	cây	1	0	0,00	0
8	Cây roi đường kính 35cm	cây	1	0	0,00	0
9	Cây roi đường kính 40cm	cây	1	0	0,00	0
10	Cây xoài đường kính 5cm	cây	1	0	0,00	0
11	Cây xoài đường kính 20cm	cây	1	0	0,00	0
12	Cây ổi đường kính 10cm	cây	1	0	0,00	0
14	Khóm chuối nhỏ	khóm	5	0	0,00	0
	Cộng C					57.510.000
D	CÁC KHOẢN HỖ TRỢ					
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm (300.000đ/m ²)	m ²	1.634,00	100.000	3,0	490.200.000
2	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh (Thực hiện điều 14, quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên)	m ²	1.634,00	5.000	1,0	8.170.000
3	Thưởng tiền độ bàn giao đất trước thời hạn quy định (Thực hiện điều 17, quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên)	m ²	1.634,00	10.000	1,0	16.340.000
	Cộng D					514.710.000
	Tổng cộng (A+B+C+D)					735.620.000



Ký bởi: ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG
PHỐ HIẾN
Cơ quan: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
HƯNG YÊN

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

Kèm theo Quyết định số: 2037/QĐ-UBND ngày 21/7/2026 của UBND phường Phò Hiến)

- Họ và tên:
- Mã định danh cá nhân:
- Địa chỉ:
- Vị trí thửa đất thu hồi:
- Nguồn gốc đất thu hồi:
- Phương án bồi thường, hỗ trợ theo bảng sau:

Lều Thị Nga

TDP An Chiểu, Phường Phò Hiến

Tờ bản đồ số: 145 Thửa số: 6

Nhà nước giao đất theo NĐ64/CP

STT	Hạng mục công trình	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)
A	ĐẤT ĐAI					
1	Tổng diện tích đất thu hồi	m ²	240,10			
2	Diện tích đất trồng cây hàng năm (LUC)	m ²	108,0	100.000	1,00	10.800.000
3	Diện tích đất dư	m ²	132,10			
	CỘNG A					10.800.000
B	TÀI SẢN					
	Cộng B					0
C	CÂY CỐI HOA MÀU, VẬT NUÔI					
I	Cây trồng được hỗ trợ công chặt hạ, thu dọn, di chuyển theo Quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên					
II	Vật nuôi là thủy sản nuôi trồng trên đất không hợp pháp được hỗ trợ theo Quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên					
	Cộng C					0
D	CÁC KHOẢN HỖ TRỢ					
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm (300.000đ/m ²)	m ²	108,00	100.000	3,0	32.400.000
2	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh (Thực hiện điều 14, quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên)	m ²	108,00	5.000	1,0	540.000
3	Thưởng tiền độ bàn giao đất trước thời hạn quy định (Thực hiện điều 17, quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên)	m ²	108,00	10.000	1,0	1.080.000
	Cộng D					34.020.000
	Tổng cộng (A+B+C+D)					44.820.000

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

(Kèm theo Quyết định số: 2037/QĐ-UBND ngày 21/7/2026 của UBND phường Phố Hiến)

1. Họ và tên:

Vũ Thanh Thuận, Vũ Văn Thuận, Vũ Thị Mến, Vũ Thị Suy, Vũ Thị Toàn, Vũ Thị Vui, Vũ Thị Lực, Vũ Thị Út
2. Mã định danh cá nhân:
3. Địa chỉ:

TDP An Chiểu, Phường Phố Hiến
4. Vị trí thửa đất thu hồi:

Tờ bản đồ số: 139 Thửa số: 31
5. Nguồn gốc đất thu hồi:

Nhà nước giao đất theo ND64/CP
6. Phương án bồi thường, hỗ trợ theo bảng sau:

STT	Hạng mục công trình	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
A	ĐẤT ĐAI						
1	Tổng diện tích đất thu hồi	m2	828,00				
2	Diện tích đất trồng cây hàng năm (LUC)	m²	767,0	100.000	1,0	76.700.000	
3	Diện tích đất dư	m2	61,00				
	CỘNG A					76.700.000	
B	TÀI SẢN						
	Cộng B					0	
C	CÂY CỎI HOA MÀU, VẬT NUÔI						
I	Cây trồng đủ điều kiện bồi thường, hỗ trợ						
1	Rau muống bằng 80% diện tích thu hồi	m2	662,40	20.000	1,0	13.248.000	
2	Khoai tía riêng bằng 20% diện tích thu hồi	m2	165,60	10.000	1,0	1.656.000	
II	Cây trồng được hỗ trợ công chặt hạ, thu dọn, di chuyển theo Quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên						
1	Trồng chuối 30 cây	khóm	6,00	150.000	0,8	720.000	5 cây/1 khóm
	Cộng C					15.624.000	
D	CÁC KHOẢN HỖ TRỢ						
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm (300.000đ/m²)	m²	767	100.000	3,00	230.100.000	
2	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh (Thực hiện điều 14, quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên)	m²	767	5.000	1,00	3.835.000	
3	Thưởng tiền độ bàn giao đất trước thời hạn quy định (Thực hiện điều 17, quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên)	m²	767	10.000	1,00	7.670.000	
	Cộng D					241.605.000	
	Tổng cộng (A+B+C+D)					333.929.000	



Ký bởi: ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG
PHỎ HIẾN
Cơ quan: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
HƯNG YÊN

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

(Kèm theo Quyết định số: 2037/QĐ-UBND ngày 21/7/2026 của UBND phường Phỏ Hiên)

1. Họ và tên:
2. Mã định danh cá nhân:
3. Địa chỉ:
4. Vị trí thửa đất thu hồi:
5. Nguồn gốc đất thu hồi:
6. Phương án bồi thường, hỗ trợ theo bảng sau:

Mai Sinh Nguyên
TDP An Chiểu, Phường Phỏ Hiên
Tờ bản đồ số: 139 Thửa số: 36/2
Nhà nước giao đất theo ND64/CP

STT	Hạng mục công trình	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
A	ĐẤT ĐAI						
1	Tổng diện tích đất thu hồi	m2	654,40				
2	Diện tích đất trồng cây hàng năm (LUC)	m²	648,0	100.000	1,00	64.800.000	
3	Diện tích đất dư	m2	6,40				
	CỘNG A					64.800.000	
B	TÀI SẢN						
	Cộng B					0	
C	CÂY CỎI HOA MÀU, VẬT NUÔI						
I	Cây trồng đủ điều kiện bồi thường, hỗ trợ						
II	Cây trồng được hỗ trợ công chặt hạ, thu dọn, di chuyển theo Quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên		218,13				
1	Cây ôi đường kính gốc 10 cm	cây	1	500.000	0,80	400.000	
2	Cây ôi đường kính gốc 15 cm	cây	4	600.000	0,80	1.920.000	
III	Cây trồng xen hỗ trợ 30% công chặt hạ, thu dọn, di chuyển theo Quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên						
1	Trồng chuối to 55 cây	khóm	11	200.000	0,40	880.000	
IV	Vật nuôi là thủy sản nuôi trồng trên đất không hợp pháp được hỗ trợ theo Quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên						
1	Ao cá trê lai bằng 2/3 diện tích đất thu hồi 24x18	m2	436,3	81.000	0,50	17.668.800	
V	Cây trồng, vật nuôi không được bồi thường						
1	Cây xoan ta đường kính gốc 3cm	cây	1				
2	Cây xoan ta đường kính gốc 10cm	cây	2				
3	Cây xoan ta đường kính gốc 20cm	cây	1				
1	Trồng chuối to 145 cây	khóm	29,00				
2	Trồng chuối nhỏ 50 cây	khóm	10,00				
	Cộng C					20.869.000	
D	CÁC KHOẢN HỖ TRỢ						
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm (300.000đ/m²)	m²	648,00	100.000	3,0	194.400.000	
2	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh (Thực hiện điều 14, quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên)	m²	648,00	5.000	1,0	3.240.000	
3	Thưởng tiến độ bàn giao đất trước thời hạn quy định (Thực hiện điều 17, quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên)	m²	648,00	10.000	1,0	6.480.000	
	Cộng D					204.120.000	
	Tổng cộng (A+B+C+D)					289.789.000	



Ký bởi: ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG
PHỔ HIỀN
Cơ quan: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
HƯNG YÊN

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

(Kèm theo Quyết định số: 2037/QĐ-UBND ngày 21/7/2026 của UBND phường Phổ Hiền)

- Họ và tên:
- Mã định danh cá nhân:
- Địa chỉ:
- Vị trí thửa đất thu hồi:
- Nguồn gốc đất thu hồi:
- Phương án bồi thường, hỗ trợ theo bảng sau:

Phạm Văn Thành

TDP An Chiêu, Phường Phổ Hiền

Tờ bản đồ số: 139 Thửa số: 36/3

Nhà nước giao đất theo ND64/CP

STT	Hạng mục công trình	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
A	ĐẤT ĐAI						
1	Tổng diện tích đất thu hồi	m ²	328,50				
2	Diện tích đất trồng cây hàng năm (LUC)	m ²	310,00	100.000	1,00	31.000.000	
3	Diện tích đất dư	m ²	18,50	0	0,00	0	
	CỘNG A					31.000.000	
B	TÀI SẢN						
I	Tài sản xây dựng không đúng mục đích sử dụng đất được hỗ trợ theo Quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên						
1	Tường xây gạch chỉ 110 KT: 7,3x0,05m	m ³	0,04	2.165.333	0,30	26.081	
	Cộng B					26.000	
C	CÂY CỎI HOA MÀU, VẬT NUÔI						
I	Cây trồng đủ điều kiện bồi thường, hỗ trợ						
1	Trồng rau ngải cứu	m ²	20,00	20.000	1,00	400.000	
2	Ao trồng rau muống	m ²	77,00	20.000	1,00	1.540.000	
II	Cây trồng được hỗ trợ công chặt hạ, thu dọn, di chuyển theo Quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên		251,50				
1	Trồng nhãn đường kính 20cm	cây	3	3.850.000	0,80	9.240.000	
2	Trồng nhãn đường kính 25cm	cây	1	3.850.000	0,80	3.080.000	
3	Trồng nhãn đường kính 30cm	cây	3	3.850.000	0,80	9.240.000	
III	Cây trồng xen hỗ trợ 30% công chặt hạ, thu dọn, di chuyển theo Quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên						
2	Khóm chuối to	khóm	12	200.000	0,40	960.000	
IV	Cây trồng, vật nuôi không được bồi thường						
1	Trồng ổi đường kính 10cm	cây	1				
2	Khóm chuối nhỏ	khóm	10			0	
	Cộng C					24.460.000	
D	CÁC KHOẢN HỖ TRỢ						
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm (300.000đ/m ²)	m ²	310,00	100.000	3,00	93.000.000	
2	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh (Thực hiện điều 14, quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên)	m ²	310,00	8.000	1,00	2.480.000	
3	Thưởng tiền độ bản giao đất trước thời hạn quy định (Thực hiện điều 17, quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên)	m ²	310,00	10.000	1,00	3.100.000	
4	Hỗ trợ đối với chi phí đầu tư cải tạo đất để chuyển đổi cơ cấu cây trồng (Thực hiện khoản 12, điều 26, quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên)	m ²	233,00	100.000	0,8	18.640.000	
	Cộng D					117.220.000	
	Tổng cộng (A+B+C+D)					172.706.000	



Ký bởi: ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG
PHỐ HIỂN
Cơ quan: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
HUNG YÊN

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

(Kèm theo Quyết định số: 2037/QĐ-UBND ngày 21/7/2026 của UBND phường Phố Hiến)

1. Họ và tên:

Phạm Văn Thành
2. Mã định danh cá nhân:
3. Địa chỉ:

TDP An Chiểu, Phường Phố Hiến
4. Vị trí thửa đất thu hồi:

Tờ bản đồ số: 139 Thửa số: 52/6
5. Nguồn gốc đất thu hồi:

Nhà nước giao đất theo ND64/CP
6. Phương án bồi thường, hỗ trợ theo bảng sau:

STT	Hạng mục công trình	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
A	ĐẤT ĐAI						
1	Tổng diện tích đất thu hồi	m2	786,20				
2	Diện tích đất trồng cây hàng năm (LUC)	m²	784,0	100.000	1,0	78.400.000	
3	Diện tích đất dư	m2	2,20			0	
	CỘNG A					78.400.000	
B	TÀI SẢN						
	Cộng B					0	
C	CÂY CỎI HOA MÀU, VẬT NUÔI						
I	Cây trồng đủ điều kiện bồi thường, hỗ trợ						
1	Trồng sen bằng 2/3 diện tích thu hồi	m2	524,1	12.500	1,0	6.551.667	
2	Trồng ngô bằng 1/3 diện tích thu hồi	m2	262,1	10.000	1,0	2.620.667	
	Cộng C					9.172.000	
D	CÁC KHOẢN HỖ TRỢ						
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm (300.000đ/m²)	m²	784,00	100.000	3,0	235.200.000	
2	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh (Thực hiện điều 14, quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên)	m²	784,00	5.000	1,0	3.920.000	
3	Thường tiền độ bàn giao đất trước thời hạn quy định (Thực hiện điều 17, quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên)	m²	784,00	10.000	1,0	7.840.000	
	Cộng D					246.960.000	
	Tổng cộng (A+B+C+D)					334.532.000	



PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

(Kính thảo Quyết định số: 2037/QĐ-UBND ngày 21/7/2026 của UBND phường Phố Hiến)

- Họ và tên: Phạm Văn Cảnh
- Mã định danh cá nhân:
- Địa chỉ: TDP An Chiểu, Phường Phố Hiến
- Vị trí thửa đất thu hồi: Tờ bản đồ số: 139 Thửa số: 36/6
- Nguồn gốc đất thu hồi: Nhà nước giao đất theo ND64/CP
- Phương án bồi thường, hỗ trợ theo bảng sau:

STT	Hạng mục công trình	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
A	ĐẤT ĐAI						
1	Tổng diện tích đất thu hồi	m2	409,50				
2	Diện tích đất trồng cây hàng năm (LUC)	m ²	400,0	100.000	1,00	40.000.000	
2	Diện tích đất dư	m2	9,50	0		0	
	CỘNG A					40.000.000	
B	TÀI SẢN						
I	Tài sản xây dựng không đúng mục đích sử dụng đất được hỗ trợ theo Quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên						
1	Tường gạch đỏ tường 110 Kích thước 13,5x0,2 m	m3	0,30	2.165.333	0,30	192.931	Mục 3 - stt 15
	Cộng B					193.000	
C	CÂY CỎI HOA MÀU, VẬT NUÔI						
I	Cây trồng đủ điều kiện bồi thường, hỗ trợ						
1	Rau màu các loại kích thước 3,8x10	m2	38,0	20.000	1,00	760.000	
II	Cây trồng được hỗ trợ công chặt hạ, thu dọn, di chuyển theo Quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên	410					
1	Nhân to đường kính gốc 40cm	cây	5	4.500.000	0,80	18.000.000	
2	Nhân to đường kính gốc 50cm	cây	1	4.500.000	0,80	3.600.000	
3	Nhân to đường kính gốc 45cm	cây	10	4.500.000	0,80	36.000.000	
III	Cây trồng chính vượt mật độ được hỗ trợ công chặt hạ, thu dọn, di chuyển theo Quyết định 149 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên						
1	Nhân to đường kính gốc 35cm	cây	1	4.500.000	0,24	1.080.000	
	Cộng C					59.440.000	
D	CÁC KHOẢN HỖ TRỢ						
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm (300.000đ/m ²)	m ²	400,00	100.000	3,00	120.000.000	
2	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh (Thực hiện điều 14, quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên)	m ²	400,00	8.000	1,00	3.200.000	
3	Thưởng tiến độ bàn giao đất trước thời hạn quy định (Thực hiện điều 17, quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên)	m ²	400,00	10.000	1,00	4.000.000	
4	Hỗ trợ đối với chi phí đầu tư cải tạo đất để chuyển đổi cơ cấu cây trồng (Thực hiện khoản 12, điều 26, quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên)	m ²	400,00	100.000	0,8	32.000.000	
	Cộng D					159.200.000	
Tổng cộng (A+B+C+D)						258.833.000	



Ký bởi: ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG
PHỎ HIẾN
Cơ quan: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
HƯNG YÊN

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

(Theo Quyết định số: 2037/QĐ-UBND ngày 21/7/2026 của UBND phường Phò Hiên)

- Họ và tên:
- Mã định danh cá nhân:
- Địa chỉ:
- Vị trí thửa đất thu hồi:
- Nguồn gốc đất thu hồi:
- Phương án bồi thường, hỗ trợ theo bảng sau:

Phạm Văn Cảnh (người có QLLQ là Bùi Quốc Thái)

TDP An Chiêu, Phường Phò Hiên

Tờ bản đồ số: 139 Thửa số: 45/1

Nhà nước giao đất theo ND64/CP

STT	Hạng mục công trình	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)
A	ĐẤT ĐAI					
1	Tổng diện tích đất thu hồi	m2	518,00			
2	Diện tích đất trồng cây hàng năm (LUC)	m ²	518,0	100.000	1,00	51.800.000
2	Diện tích đất dư	m2	0,00			0
	CỘNG A					51.800.000
B	TÀI SẢN					
I	Tài sản xây dựng không đúng mục đích sử dụng đất được hỗ trợ theo Quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên					
1	Tường rào gạch ba banh 110 bờ trụ kích thước 14x1,2m	m3	1,85	1.612.337	0,30	893.880
2	Tường rào gạch ba banh 110 bờ trụ kích thước (5+17+31)x1,1m	m3	6,41	1.612.337	0,30	3.101.975
	Cộng B					3.996.000
C	CÂY CỎI HOA MÀU, VẬT NUÔI					
I	Cây trồng đủ điều kiện bồi thường, hỗ trợ					
1	Trồng khoai nước	m2	15	11.000	1,00	165.000
II	Cây trồng được hỗ trợ công chặt hạ, thu dọn, di chuyển theo Quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên	518				
1	Nhãn đường kính 30cm	cây	4	3.850.000	0,80	12.320.000
2	Nhãn đường kính 40cm	cây	7	4.500.000	0,80	25.200.000
3	Nhãn đường kính 45cm	cây	4	4.500.000	0,80	14.400.000
4	Nhãn đường kính 50cm	cây	5	4.500.000	0,80	18.000.000
III	Cây trồng chính vượt mật độ được hỗ trợ công chặt hạ, thu dọn, di chuyển theo Quyết định 149 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên					
1	Nhãn đường kính 30cm	cây	1	3.850.000	0,24	924.000
IV	Cây trồng xen hỗ trợ 30% công chặt hạ, thu dọn, di chuyển theo Quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên					
1	Trồng chuối	khóm	2	150.000	0,24	72.000
V	Cây trồng, vật nuôi không được bồi thường					
1	Trồng cây ráy	bụi	12			
2	Trồng cây vối bé đường kính 3cm	cây	1			
3	Nhãn đường kính 10cm	cây	1			
4	Nhãn đường kính 20cm	cây	1			

5	Nhãn đường kính 30cm	cây	1			
	Cộng C					71.081.000
D	CÁC KHOẢN HỖ TRỢ					
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm (300.000đ/m ²)	m ²	518,00	100.000	3,00	155.400.000
2	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh (Thực hiện điều 14, quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên)	m ²	518,00	8.000	1,00	4.144.000
3	Thưởng tiền độ bàn giao đất trước thời hạn quy định (Thực hiện điều 17, quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên)	m ²	518,00	10.000	1,00	5.180.000
4	Hỗ trợ đối với chi phí đầu tư cải tạo đất để chuyển đổi cơ cấu cây trồng (Thực hiện khoản 12, điều 26, quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên)	m ²	518,00	100.000	0,8	41.440.000
	Cộng D					206.164.000
	Tổng cộng (A+B+C+D)					333.041.000



Ký bởi: ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG
PHỔ HIỀN
Cơ quan: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
HƯNG YÊN

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

(Kèm theo Quyết định số: 2037/QĐ-UBND ngày 21/7/2026 của UBND phường Phổ Hiền)

- Họ và tên:
- Mã định danh cá nhân:
- Địa chỉ:
- Vị trí thửa đất thu hồi:
- Nguồn gốc đất thu hồi:
- Phương án bồi thường, hỗ trợ theo bảng sau:

Mai Thanh Thụy

TDP An Chiêu, Phường Phổ Hiền

Tờ bản đồ số: 139 Thửa số: 36/8

Nhà nước giao đất theo NĐ64/CP

STT	Hạng mục công trình	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
A	ĐẤT ĐAI						
1	Tổng diện tích đất thu hồi	m2	1.320,20				
2	Diện tích đất trồng cây hàng năm (LUC)	m ²	1.264,00	100.000	1,00	126.400.000	
2	Diện tích đất dư	m2	56,20			0	
	CỘNG A					126.400.000	
B	TÀI SẢN						
	Cộng B					0	
C	CÂY CỐI HOA MÀU, VẬT NUÔI						
I	Cây trồng đủ điều kiện bồi thường, hỗ trợ						
1	Trồng thuốc lam	m2	50,00	20.000	1,00	1.000.000	
II	Cây trồng được hỗ trợ công chặt hạ, thu dọn, di chuyển theo Quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên		556,92				
1	Cây nhãn đường kính gốc 40cm	cây	2,00	4.500.000	0,80	7.200.000	
2	Cây nhãn đường kính gốc 30cm	cây	6,00	3.850.000	0,80	18.480.000	
3	Cây nhãn đường kính gốc 28cm	cây	2,00	3.850.000	0,80	6.160.000	
4	Cây nhãn đường kính gốc 35cm	cây	12,00	4.500.000	0,80	43.200.000	
III	Cây trồng chính vượt mật độ được hỗ trợ công chặt hạ, thu dọn, di chuyển theo Quyết định 149 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên						
2	Cây nhãn đường kính gốc 28cm	cây	1,00	3.850.000	0,24	924.000	
IV	Cây trồng xen hỗ trợ 30% công chặt hạ, thu dọn, di chuyển theo Quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên						
1	Cây sưa đường kính gốc 5cm	cây	5,00	230.000	0,24	276.000	
2	Cây sưa đường kính gốc 15cm	cây	2,00	400.000	0,24	192.000	
3	Cây sưa đường kính gốc 25cm	cây	1,00	560.000	0,24	134.400	
4	Cây sưa đường kính gốc 30cm	cây	1,00	710.000	0,24	170.400	
V	Vật nuôi là thủy sản nuôi trồng trên đất không hợp pháp được hỗ trợ theo Quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên						
1	Ao bèo thả ốc nhồi, cá kt 20,3x37,6	m2	763,28	45.000	0,50	17.173.800	30.000
VI	Cây trồng, vật nuôi không được bồi thường						
1	Cây nhãn đường kính gốc 22cm	cây	1,00				Cây trồng vượt mật độ
2	Cây nhãn đường kính gốc 28cm	cây	3,00				Cây trồng vượt mật độ
1	Cây xoan đường kính gốc 12cm	cây	3,00				Cây trồng vượt mật độ

2	Cây xoan đường kính gốc 15cm	cây	1,00				Cây trồng vượt mật độ
3	Cây xoan đường kính gốc 26cm	cây	2,00				Cây trồng vượt mật độ
4	Cây xà đen đường kính gốc 20cm	cây	1,00				Cây trồng vượt mật độ
5	Cây vú sữa đường kính gốc 10cm	cây	1,00				Cây trồng vượt mật độ
6	Cây ổi đường kính gốc 20cm	cây	1,00				Cây trồng vượt mật độ
7	Khóm chuối to	khóm	4,00				Cây trồng vượt mật độ
8	Khóm chuối nhỏ	khóm	1,00				Cây trồng vượt mật độ
	Cộng C					94.911.000	
D	CÁC KHOẢN HỖ TRỢ						
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm (300.000đ/m ²)	m ²	1.264,00	100.000	3,00	379.200.000	
2	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh (Thực hiện điều 14, quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên)	m ²	1.264,00	5.000	1,00	6.320.000	
3	Thưởng tiến độ bàn giao đất trước thời hạn quy định (Thực hiện điều 17, quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên)	m ²	1.264,00	10.000	1,00	12.640.000	
	Cộng D					398.160.000	
	Tổng cộng (A+B+C+D)					619.471.000	



Ký bởi: ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG
PHỐ HIẾN
Cơ quan: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
HƯNG YÊN

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

(Kính theo Quyết định số: 2037/QĐ-UBND ngày 21/7/2026 của UBND phường Phò Hiến)

1. Họ và tên:

2. Mã định danh cá nhân:

3. Địa chỉ:

4. Vị trí thửa đất thu hồi:

5. Nguồn gốc đất thu hồi:

6. Phương án bồi thường, hỗ trợ theo bảng sau:
- Mai Đại Đình

TDP An Chiểu, Phường Phò Hiến

Tờ bản đồ số: 139 Thửa số: 36/9

Nhà nước giao đất theo ND64/CP

STT	Hạng mục công trình	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
A	ĐẤT ĐAI						
1	Tổng diện tích đất thu hồi	m2	293,60				
2	Diện tích đất trồng cây hàng năm (LUC)	m²	216,0	100.000	1,00	21.600.000	
3	Diện tích đất dư	m2	77,60			0	
	CỘNG A					21.600.000	
B	TÀI SẢN						
I	Tài sản xây dựng không đúng mục đích sử dụng đất được hỗ trợ theo Quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên						
	Cộng B					0	
C	CÂY CỎI HOA MÀU, VẬT NUÔI						
I	Cây trồng đủ điều kiện bồi thường, hỗ trợ						
II	Cây trồng được hỗ trợ công chặt hạ, thu dọn, di chuyển theo Quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên						
III	Cây trồng xen hỗ trợ 30% công chặt hạ, thu dọn, di chuyển theo Quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên						
IV	Cây trồng, vật nuôi không được bồi thường						
	Cộng C					0	
D	CÁC KHOẢN HỖ TRỢ						
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm (300.000đ/m²)	m²	216,00	100.000	3,00	64.800.000	
2	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh (Thực hiện điều 14, quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên)	m²	216,00	8.000	1,00	1.728.000	
3	Thưởng tiến độ bàn giao đất trước thời hạn quy định (Thực hiện điều 17, quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên)	m²	216,00	10.000	1,00	2.160.000	
4	Hỗ trợ đối với chi phí đầu tư cải tạo đất để chuyển đổi cơ cấu cây trồng (Thực hiện khoản 12, điều 26, quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên)	m²	84,90	100.000	0,8	6.792.000	
	Cộng D					75.480.000	
	Tổng cộng (A+B+C+D)					97.080.000	



Ký bởi: ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG
PHỔ HIỂN
Cơ quan: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
HƯNG YÊN

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

Thực hiện theo Quyết định số: 2037/QĐ-UBND ngày 21/7/2026 của UBND phường Phổ Hiến)

- | | |
|--|---------------------------------|
| 1. Họ và tên: | Mai Đại Đình |
| 2. Mã định danh cá nhân: | |
| 3. Địa chỉ: | TDP An Chiêu, Phường Phổ Hiến |
| 4. Vị trí thửa đất thu hồi: | Tờ bản đồ số: 146 Thửa số: 43/2 |
| 5. Nguồn gốc đất thu hồi: | Nhà nước giao đất theo NĐ64/CP |
| 6. Phương án bồi thường, hỗ trợ theo bảng sau: | |

STT	Hạng mục công trình	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
A	ĐẤT ĐAI						
1	Tổng diện tích đất thu hồi	m2	553,20				
	Diện tích đất trồng cây hàng năm (LUC)	m ²	504,0	100.000	1,00	50.400.000	
2	Diện tích đất dư	m2	49,20			0	
	CỘNG A					50.400.000	
B	TÀI SẢN						
I	Tài sản xây dựng không đúng mục đích sử dụng đất được hỗ trợ theo Quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên						
	Cộng B					0	
C	CÂY CỐI HOA MÀU, VẬT NUÔI						
I	Cây trồng đủ điều kiện bồi thường, hỗ trợ						
II	Cây trồng được hỗ trợ công chặt hạ, thu dọn, di chuyển theo Quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên						
III	Cây trồng xen hỗ trợ 30% công chặt hạ, thu dọn, di chuyển theo Quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên						
IV	Cây trồng, vật nuôi không được bồi thường						
	Cộng C					0	
D	CÁC KHOẢN HỖ TRỢ						
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm (300.000đ/m ²)	m ²	504,00	100.000	3,00	151.200.000	
2	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh (Thực hiện điều 14, quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên)	m ²	504,00	8.000	1,00	4.032.000	
3	Thưởng tiến độ bàn giao đất trước thời hạn quy định (Thực hiện điều 17, quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên)	m ²	504,00	10.000	1,00	5.040.000	
4	Hỗ trợ đối với chi phí đầu tư cải tạo đất để chuyển đổi cơ cấu cây trồng (Thực hiện khoản 12, điều 26, quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên)	m ²	504,00	100.000	0,8	40.320.000	
	Cộng D					200.592.000	
	Tổng cộng (A+B+C+D)					250.992.000	



Ký bởi: ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG
PHỔ HIẾN
Cơ quan: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
HƯNG YÊN

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

(Kèm theo Quyết định số: 2037/QĐ-UBND ngày 21/7/2026 của UBND phường Phổ Hiến)

1. Họ và tên:
2. Mã định danh cá nhân:
3. Địa chỉ:
4. Vị trí thửa đất thu hồi:
5. Nguồn gốc đất thu hồi:
6. Phương án bồi thường, hỗ trợ theo bảng sau:

Tài sản ông Mai Đại Đình trên 2 thửa 36/9 và 43/2
TDP An Chiêu, Phường Phổ Hiến
Tờ bản đồ số: 139+146 Thửa số: 36/9+43/2
Nhà nước giao đất theo ND64/CP

STT	Hạng mục công trình	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)
A	ĐẤT ĐAI					
1	Tổng diện tích đất thu hồi	m2	846,80			
2	Diện tích đất trồng cây hàng năm (LUC)	m ²	720,0	100.000	0,00	0
3	Diện tích đất dư	m2	126,80			0
	CỘNG A					0
B	TÀI SẢN					
I	Tài sản xây dựng không đúng mục đích sử dụng đất được hỗ trợ theo Quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên					
1	Tường gạch đỏ 110 bờ trụ cao 1,3x23,5m	m3	3,36	2.165.333	0,30	2.182.980
2	Tường bờ trụ 3 banh kích thước 20,5x1m	m3	2,26	1.612.337	0,30	1.090.746
3	Chuồng lợn 6,9mx19m (tôn xộp cao 3,8m gạch 3 banh 110)	m2	131,10	2.093.573	0,30	82.340.226
4	Bể Bioga 10 khối hình cầu	m3	10,00	2.381.911	0,30	7.145.733
5	Bể Bioga 25 khối hình cầu	m3	25,00	2.381.911	0,30	17.864.333
	Cộng B					110.624.000
C	CÂY CỎI HOA MÀU, VẬT NUÔI					
I	Cây trồng đủ điều kiện bồi thường, hỗ trợ					
II	Cây trồng được hỗ trợ công chặt hạ, thu dọn, di chuyển theo Quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên		715,7			
1	Cây bưởi đường kính Ø20cm	cây	6	2.500.000	0,80	12.000.000
2	Cây bưởi đường kính Ø10cm	cây	2	1.800.000	0,80	2.880.000
3	Cây bưởi đường kính Ø15cm	cây	9	2.500.000	0,80	18.000.000
III	Cây trồng xen hỗ trợ 50% công chặt hạ, thu dọn, di chuyển theo Quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên					
1	Cây nhãn đường kính Ø15cm	cây	1	3.750.000	0,40	1.500.000
2	Cây nhãn đường kính Ø20cm	cây	5	3.850.000	0,40	7.700.000
3	Cây nhãn đường kính Ø25cm	cây	1	3.850.000	0,40	1.540.000
IV	Cây trồng, vật nuôi không được bồi thường					
1	Cây xừa đường kính Ø15cm	cây	1			
2	Cây xoài đường kính Ø20cm	cây	1			
3	Cây xoài đường kính Ø25cm	cây	4			
4	Cây xoài đường kính Ø30cm	cây	1			
5	Cây xoan đường kính Ø10cm	cây	1			
6	Cây mẩu đản đường kính Ø5cm	cây	2			
7	Thanh long	khóm	20			
	Cộng C					43.620.000
D	CÁC KHOẢN HỖ TRỢ					
	Tổng (A+B+C+D)					154.244.000



Ký bởi: ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG
PHÓ HIẾN
Cơ quan: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
HƯNG YÊN

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

(Kèm theo Quyết định số: 2037/QĐ-UBND ngày 21/7/2026 của UBND phường Phố Hiến)

1. Họ và tên:

Mai Đại Đình
2. Mã định danh cá nhân:
3. Địa chỉ:

TDP An Chiêu, Phường Phố Hiến
4. Vị trí thửa đất thu hồi:

Tờ bản đồ số: 139 Thửa số: 46
5. Nguồn gốc đất thu hồi:

Nhà nước giao đất theo ND64/CP
6. Phương án bồi thường, hỗ trợ theo bảng sau:

STT	Hạng mục công trình	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
A	ĐẤT ĐAI						
1	Tổng diện tích đất thu hồi	m2	505,30				
2	Diện tích đất trồng cây hàng năm (LUC)	m ²	180,0	100.000	1,00	18.000.000	
3	Diện tích đất dư	m2	325,30			0	
	CỘNG A					18.000.000	
B	TÀI SẢN						
I	Tài sản xây dựng không đúng mục đích sử dụng đất được hỗ trợ theo Quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên						
1	Xây ao gạch ba banh dày 0,11 KT: (22+16)*1.2*2*0.11	m3	10,03	1.612.337	0,30	4.852.489	
	Cộng B					4.852.000	
C	CÂY CỎI HOA MÀU, VẬT NUÔI						
I	Cây trồng đủ điều kiện bồi thường, hỗ trợ						
II	Cây trồng được hỗ trợ công chặt hạ, thu dọn, di chuyển theo Quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên		153,3				
1	Cây nhãn đường kính gốc Ø40cm	cây	1,00	4.500.000	0,50	2.250.000	
2	Cây nhãn đường kính gốc Ø30cm	cây	4,00	3.850.000	0,50	7.700.000	
3	Cây nhãn đường kính gốc Ø25cm	cây	1,00	3.850.000	0,50	1.925.000	
III	Cây trồng chính vượt mật độ được hỗ trợ công chặt hạ, thu dọn, di chuyển theo Quyết định 149 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên						
1	Cây nhãn đường kính gốc Ø25cm	cây	2,00	3.850.000	0,15	1.155.000	
IV	Cây trồng xen hỗ trợ 30% công chặt hạ, thu dọn, di chuyển theo Quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên						
1	Cây xoài đường kính gốc Ø15cm	cây	1,00	1.200.000	0,15	180.000	
2	Cây xoài đường kính gốc Ø10cm	cây	2,00	850.000	0,15	255.000	
3	Cây xoài đường kính gốc Ø20cm	cây	2,00	1.400.000	0,15	420.000	
V	Vật nuôi là thủy sản nuôi trồng trên đất không hợp pháp được hỗ trợ theo Quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên						
1	Ao nuôi cá các loại KT: (22m x 16m)	m2	352,00	30.000	0,50	5.280.000	
VI	Cây trồng, vật nuôi không được bồi thường						
2	Cây nhãn đường kính gốc Ø20cm	cây	3,00				
3	Cây nhãn đường kính gốc Ø15cm	cây	2,00				

4	Cây nhãn đường kính gốc Ø10cm	cây	1,00				
5	Cây sung đường kính gốc Ø30cm	cây	2,00				
6	Cây sung đường kính gốc Ø10cm	cây	1,00				
7	Cây xoan đường kính gốc Ø15cm	cây	2,00				
8	Cây táo đường kính gốc Ø10cm	cây	2,00				
9	Cây khế đường kính gốc Ø20cm	cây	1,00				
10	Cây chuối nhỏ 40 cây (04 cây/khóm)	khóm	10,00				
11	Cây hồng xiêm đường kính gốc Ø10cm	cây	2,00				
12	Cây táo đường kính gốc Ø35cm	cây	1,00				
13	Cây táo đường kính gốc Ø20cm	cây	1,00				
14	Cây xoan đường kính gốc Ø20cm	cây	1,00				
16	Cây măng cầu đường kính gốc Ø15cm	cây	1,00				
17	Cây mít đường kính gốc Ø10cm	cây	1,00				
	Cộng C					19.165.000	
D	CÁC KHOẢN HỖ TRỢ						
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm (300.000đ/m ²)	m ²	180,00	100.000	3,0	54.000.000	
2	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh (Thực hiện điều 14, quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên)	m ²	180,00	8.000	1,0	1.440.000	
3	Thưởng tiền độ bàn giao đất trước thời hạn quy định (Thực hiện điều 17, quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên)	m ²	180,00	10.000	1,0	1.800.000	
4	Hỗ trợ đối với chi phí đầu tư cải tạo đất để chuyển đổi cơ cấu cây trồng (Thực hiện khoản 12, điều 26, quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên)	m ²	180,00	100.000	0,80	14.400.000	
	Cộng D					71.640.000	
	Tổng cộng (A+B+C+D)					113.657.000	



Ký bởi: ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG
PHỐ HIỂN
Cơ quan: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
HUNG YÊN

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

Kèm theo Quyết định số: 2037/QĐ-UBND ngày 21/7/2026 của UBND phường Phố Hiến)

- Họ và tên: Phạm Văn Thanh (người có QLLQ ông Phan Tất Hải)
- Mã định danh cá nhân:
- Địa chỉ: TDP An Chiêu, Phường Phố Hiến
- Vị trí thửa đất thu hồi: Tờ bản đồ số: 139 Thửa số: 45/2
- Nguồn gốc đất thu hồi: Nhà nước giao đất theo ND64/CP
- Phương án bồi thường, hỗ trợ theo bảng sau:

STT	Hạng mục công trình	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền	Ghi chú
A	ĐẤT ĐAI						
1	Tổng diện tích đất thu hồi	m2	360,00				
2	Diện tích đất trồng cây hàng năm (LUC)	m ²	360,0	100.000	1,00	36.000.000	
2	Diện tích đất dư	m2	0,00			0	
	CỘNG A					36.000.000	
B	TÀI SẢN						
I	Tài sản xây dựng không đúng mục đích sử dụng đất được hỗ trợ theo Quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên						
1	Tường ba banh bờ trụ KT: (31x0,9x2)+(11x0,9x2)	m3	8,32	1.612.337	0,30	4.022.458	
	Cộng B					4.022.000	
C	CÂY CỎI HOA MÀU, VẬT NUÔI						
I	Cây trồng đủ điều kiện bồi thường, hỗ trợ						
II	Cây trồng được hỗ trợ công chặt hạ, thu dọn, di chuyển theo Quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên						
1	Khóm thanh long	khóm	3,00	500.000	0,50	750.000	
III	Cây trồng xen hỗ trợ 50% công chặt hạ, thu dọn, di chuyển theo Quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên						
1	Cây xanh si đường kính gốc Ø10cm	cây	4,00	250.000	0,25	250.000	
IV	Cây trồng, vật nuôi không được bồi thường						
1	Cây ôi đường kính gốc Ø10cm	cây	1,00				
2	Cây ôi đường kính gốc Ø5cm	cây	1,00				
3	Cây dâm bụt đường kính gốc Ø5cm	cây	1,00				
4	Cây hoa giấy đường kính gốc Ø15cm	cây	1,00				
5	Cây hoa giấy đường kính gốc Ø10cm	cây	2,00				
	Cộng C					1.000.000	
D	CÁC KHOẢN HỖ TRỢ						
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm (300.000đ/m ²)	m ²	360,00	100.000	3,0	108.000.000	
2	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh (Thực hiện điều 14, quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên)	m ²	360,00	5.000	1,0	1.800.000	
3	Thường tiền độ bản giao đất trước thời hạn quy định (Thực hiện điều 17, quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên)	m ²	360,00	10.000	1,0	3.600.000	
	Cộng D					113.400.000	
	Tổng cộng (A+B+C+D)					154.422.000	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

(Kèm theo Quyết định số: 2037/QĐ-UBND ngày 21/7/2026 của UBND phường Phố Hiến)

1. Họ và tên:

Phạm Văn Thanh (Người có QLLQ là ông Phạm Văn Đà)
2. Mã định danh cá nhân:
3. Địa chỉ:

TDP An Chiểu, Phường Phố Hiến
4. Vị trí thửa đất thu hồi:

Tờ bản đồ số: 139 Thửa số: 36/4
5. Nguồn gốc đất thu hồi:

Nhà nước giao đất theo NĐ64/CP
6. Phương án bồi thường, hỗ trợ theo bảng sau:

STT	Hạng mục công trình	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
A	ĐẤT ĐAI						
1	Tổng diện tích đất thu hồi	m2	566,70				
2	Diện tích đất trồng cây hàng năm (LUC)	m²	558,0	100.000	1,00	55.800.000	
3	Diện tích đất dư	m2	8,70	0	0,00	0	
	CỘNG A					55.800.000	
B	TÀI SẢN						
I	Tài sản xây dựng không đúng mục đích sử dụng đất được hỗ trợ theo Quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên						
	Cộng B					0	
C	CÂY CỎI HOA MÀU, VẬT NUÔI						
I	Cây trồng đủ điều kiện bồi thường, hỗ trợ						
	Cộng C					0	
D	CÁC KHOẢN HỖ TRỢ						
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm (300.000đ/m²)	m²	558,00	100.000	3,00	167.400.000	
2	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh (Thực hiện điều 14, quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên)	m²	558,00	5.000	1,00	2.790.000	
3	Thưởng tiền độ bàn giao đất trước thời hạn quy định (Thực hiện điều 17, quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên)	m²	558,00	10.000	1,00	5.580.000	
	Cộng D					175.770.000	
	Tổng cộng (A+B+C+D)					231.570.000	



Ký bởi: ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG
PHỐ HIẾN
Cơ quan: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
HƯNG YÊN

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

(Kèm theo Quyết định số: 2037/QĐ-UBND ngày 21/7/2026 của UBND phường Phò Hiên)

- Họ và tên: Phạm Văn Tuyền (Người có QLLQ là ông Phạm Văn Đà)
- Mã định danh cá nhân:
- Địa chỉ: TDP An Chiểu, Phường Phò Hiên
- Vị trí thửa đất thu hồi: Tờ bản đồ số: 139 Thửa số: 36/5
- Nguồn gốc đất thu hồi: Nhà nước giao đất theo ND64/CP
- Phương án bồi thường, hỗ trợ theo bảng sau:

STT	Hạng mục công trình	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền	Ghi chú
A	ĐẤT ĐAI						
1	Tổng diện tích đất thu hồi	m ²	385,00				
2	Diện tích đất trồng cây hàng năm (LUC)	m ²	367,0	100.000	1,00	36.700.000	
3	Diện tích đất dư	m ²	18,00	0	0,00	0	
	CỘNG A					36.700.000	
B	TÀI SẢN						
I	Tài sản xây dựng không đúng mục đích sử dụng đất được hỗ trợ theo Quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên						
	Cộng B					0	
C	CÂY CỎI HOA MÀU, VẬT NUÔI						
I	Cây trồng đủ điều kiện bồi thường, hỗ trợ						
	Cộng C					0	
D	CÁC KHOẢN HỖ TRỢ						
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm (300.000đ/m ²)	m ²	367,00	100.000	3,00	110.100.000	
2	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh (Thực hiện điều 14, quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên)	m ²	367,00	5.000	1,00	1.835.000	
3	Thưởng tiền độ bàn giao đất trước thời hạn quy định (Thực hiện điều 17, quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên)	m ²	367,00	10.000	1,00	3.670.000	
	Cộng D					115.605.000	
	Tổng cộng (A+B+C+D)					152.305.000	



Ký bởi: ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG
PHỔ HIỀN
Cơ quan: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
HƯNG YÊN

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

(Kèm theo Quyết định số: 2037/QĐ-UBND ngày 21/7/2026 của UBND phường Phở Hiền)

- Họ và tên:
- Mã định danh cá nhân:
- Địa chỉ:
- Vị trí thửa đất thu hồi:
- Nguồn gốc đất thu hồi:
- Phương án bồi thường, hỗ trợ theo bảng sau:

Tài sản ông Phạm Văn Đà (làm trên đất ông Phạm Văn Thanh và Phạm Văn Tuyền)

Thôn An Chiểu 2, Phường Phở Hiền
Tờ bản đồ số: 139 Thửa số: 36/4+36/5
Nhà nước giao đất theo ND64/CP

STT	Hạng mục công trình	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
A	ĐẤT ĐAI						
1	Tổng diện tích đất thu hồi	m2	951,70				
2	Diện tích đất trồng cây hàng năm (LUC)	m ²	925,0	100.000	0,00	0	
3	Diện tích đất dư	m2	26,70	0	0,00	0	
	CỘNG A					0	
B	TÀI SẢN						
I	Tài sản xây dựng không đúng mục đích sử dụng đất được hỗ trợ theo Quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên						
1	Tường ba banh không hỗ trợ KT: (1m5 x 8m5)	m3	1,40	1.612.337	0,30	678.391	Mục 3 - stt 38
2	Tường ba banh hỗ trợ KT: (1m2 x 35m)	m3	4,62	1.612.337	0,30	2.234.699	Mục 3 - stt 38
	Cộng B					2.913.000	
C	CÂY CỐI HOA MÀU, VẬT NUÔI						
I	Cây trồng đủ điều kiện bồi thường, hỗ trợ		216,7				
1	Rau màu các loại	m2	10,00	20.000	1,00	200.000	
II	Cây trồng được hỗ trợ công chặt hạ, thu dọn, di chuyển theo Quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên						
1	Cây nhãn đường kính gốc Ø40cm	Cây	1,00	4.500.000	0,80	3.600.000	
2	Cây nhãn đường kính gốc Ø30cm	Cây	2,00	3.850.000	0,80	6.160.000	
3	Cây nhãn đường kính gốc Ø35cm	Cây	1,00	4.500.000	0,80	3.600.000	
4	Cây nhãn đường kính gốc Ø25cm	Cây	2,00	3.850.000	0,80	6.160.000	
III	Cây trồng xen hỗ trợ 50%(cây trồng chính dưới mật độ quy định) công chặt hạ, thu dọn, di chuyển theo Quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên						
1	Cây bưởi đường kính Ø35cm	Cây	1,00	3.000.000	0,40	1.200.000	
2	Cây bưởi đường kính Ø10cm	Cây	1,00	1.800.000	0,40	720.000	
IV	Vật nuôi là thủy sản nuôi trồng trên đất không hợp pháp được hỗ trợ theo Quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên						
1	Ao nuôi cá các loại KT: 35x21m	m2	735	30.000	0,5	11.025.000	
V	Cây trồng, vật nuôi không được bồi thường						

1	Cây roi đường kính gốc Ø40cm	Cây	1,00				
2	Cây ôi đường kính gốc Ø35cm	Cây	1,00				
3	Cây chuối to 24 cây (4 cây khóm)	Khóm	6,00				
4	Cây chuối nhỏ 20 cây (4 cây khóm)	Khóm	5,00				
5	Cây xoài đường kính gốc Ø5cm	Cây	1,00				
	Cộng C					32.665.000	
D	CÁC KHOẢN HỖ TRỢ						
	Cộng D					0	
	Tổng cộng (A+B+C+D)					35.578.000	



Ký bởi: ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG
PHỐ HIỀN
Cơ quan: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
HƯNG YÊN

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

Kèm theo Quyết định số: 2037/QĐ-UBND ngày 21/7/2026 của UBND phường Phò Hiên)

- Họ và tên:
- Mã định danh cá nhân:
- Địa chỉ:
- Vị trí thửa đất thu hồi:
- Nguồn gốc đất thu hồi:
- Phương án bồi thường, hỗ trợ theo bảng sau:

Phạm Văn Thanh

Thôn An Chiểu 2, Phường Phò Hiên

Tờ bản đồ số: 139 Thửa số: 52/3

Nhà nước giao đất theo ND64/CP

STT	Hạng mục công trình	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
A	ĐẤT ĐAI						
1	Tổng diện tích đất thu hồi	m ²	1.321,00				
2	Diện tích đất trồng cây hàng năm (LUC)	m ²	1.321,0	100.000	1,00	132.100.000	
3	Diện tích đất dư	m ²	0,00	0	0,00	0	
	CỘNG A					132.100.000	
B	TÀI SẢN						
I	Tài sản xây dựng không đúng mục đích sử dụng đất được hỗ trợ theo Quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên						
	Cộng B					0	
C	CÂY CỎI HOA MÀU, VẬT NUÔI						
	Cộng C					0	
D	CÁC KHOẢN HỖ TRỢ						
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm (300.000đ/m ²)	m ²	1.321,00	100.000	3,0	396.300.000	
2	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh (Thực hiện điều 14, quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên)	m ²	1.321,00	8.000	1,0	10.568.000	
3	Thưởng tiền độ bàn giao đất trước thời hạn quy định (Thực hiện điều 17, quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên)	m ²	1.321,00	10.000	1,0	13.210.000	
4	Hỗ trợ đối với chi phí đầu tư cải tạo đất để chuyển đổi cơ cấu cây trồng (Thực hiện khoản 12, điều 26, quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên)	m ²	1.177,00	100.000	0,8	94.160.000	
	Cộng D					514.238.000	
Tổng cộng (A+B+C+D)						646.338.000	



Ký bởi: ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG
PHƯỚC HIẾN
Cơ quan: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
HƯNG YÊN

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

(Kèm theo Quyết định số: 2037/QĐ-UBND ngày 21/7/2026 của UBND phường Phước Hiên)

- Họ và tên: Phạm Văn Đà (người có QLLQ là ông Phạm Văn Thanh)
- Mã định danh cá nhân:
- Địa chỉ: TDP An Chiêu, Phường Phước Hiên
- Vị trí thửa đất thu hồi: Tờ bản đồ số: 139 Thửa số: 52/2
- Nguồn gốc đất thu hồi: Nhà nước giao đất theo ND64/CP
- Phương án bồi thường, hỗ trợ theo bảng sau:

STT	Hạng mục công trình	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
A	ĐẤT ĐAI						
1	Tổng diện tích đất thu hồi	m ²	380,80				
2	Diện tích đất trồng cây hàng năm (LUC)	m ²	378,0	100.000	1,00	37.800.000	
3	Diện tích đất dư	m ²	2,80			0	
	CỘNG A					37.800.000	
B	TÀI SẢN						
I	Tài sản xây dựng không đúng mục đích sử dụng đất được hỗ trợ theo Quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên						
	Cộng B					0	
C	CÂY CỎI HOA MÀU, VẬT NUÔI						
I	Cây trồng đủ điều kiện bồi thường, hỗ trợ						
II	Cây trồng được hỗ trợ công chặt hạ, thu dọn, di chuyển theo Quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên						
III	Cây trồng xen hỗ trợ 30% công chặt hạ, thu dọn, di chuyển theo Quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên						
IV	Cây trồng, vật nuôi không được bồi thường						
	Cộng C					0	
D	CÁC KHOẢN HỖ TRỢ						
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm (300.000đ/m ²)	m ²	378,00	100.000	3,00	113.400.000	
2	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh (Thực hiện điều 14, quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên)	m ²	378,00	8.000	1,00	3.024.000	
3	Thưởng tiến độ bàn giao đất trước thời hạn quy định (Thực hiện điều 17, quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên)	m ²	378,00	10.000	1,00	3.780.000	
4	Hỗ trợ đối với chi phí đầu tư cải tạo đất để chuyển đổi cơ cấu cây trồng (Thực hiện khoản 12, điều 26, quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên)	m ²	378,00	100.000	0,8	30.240.000	
	Cộng D					150.444.000	
Tổng cộng (A+B+C+D)						188.244.000	



Ký bởi: ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG
PHỔ HIỀN
Cơ quan: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
HUNG YÊN

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

(Kèm theo Quyết định số: 2037/QĐ-UBND ngày 21/7/2026 của UBND phường Phổ Hiền)

1. Họ và tên:

Tài sản ông Phạm Văn Thanh làm trên đất Phạm Văn Thanh và Phạm Văn Đà
2. Mã định danh cá nhân:
3. Địa chỉ:

TDP An Chiêu, Phường Phổ Hiền
4. Vị trí thửa đất thu hồi:

Tờ bản đồ số: 139 Thửa số: 52/2 + 52/3
5. Nguồn gốc đất thu hồi:

Nhà nước giao đất theo ND64/CP
6. Phương án bồi thường, hỗ trợ theo bảng sau:

STT	Hạng mục công trình	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
A	ĐẤT ĐAI						
1	Tổng diện tích đất thu hồi	m2	1.701,80				
2	Diện tích đất trồng cây hàng năm (LUC)	m²	1.699,0	100.000	0,00	0	
3	Diện tích đất dư	m2	2,80	0	0,00	0	
	CỘNG A					0	
B	TÀI SẢN						
I	Tài sản xây dựng không đúng mục đích sử dụng đất được hỗ trợ theo Quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên						
1	Ao cá xây gạch ba banh không bờ trụ cao 1,5 KT: 12x1,5x4 m	m3	7,92	1.612.337	0,30	3.830.913	
2	Kho xây gạch ba banh có mái tôn KT 2m6x3m6	m2	9,36	2.033.079	0,30	5.708.886	
3	Cổng sắt bít lưới B40 KT 2,2x1,5m	m2	3,30	133.744	0,30	132.407	
	Cộng B					9.672.000	
C	CÂY CỎI HOA MÀU, VẬT NUÔI						
I	Cây trồng đủ điều kiện bồi thường, hỗ trợ						
II	Cây trồng được hỗ trợ công chặt hạ, thu dọn, di chuyển theo Quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên		1.548,44				
1	Nhân đường kính gốc 20cm	cây	13,00	3.850.000	0,80	40.040.000	
2	Nhân đường kính gốc 10cm	cây	5,00	2.700.000	0,80	10.800.000	
3	Nhân đường kính gốc 15cm	cây	4,00	3.750.000	0,80	12.000.000	
4	Nhân đường kính gốc 30cm	cây	4,00	3.850.000	0,80	12.320.000	
5	Nhân đường kính gốc 25cm	cây	4,00	3.850.000	0,80	12.320.000	
III	Cây trồng xen hỗ trợ 50% (do cây trồng chính thấp hơn mật độ) công chặt hạ, thu dọn, di chuyển theo Quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên						
1	Hồng xiêm đường kính gốc 10cm	cây	10,00	500.000	0,40	2.000.000	
2	Hồng xiêm đường kính gốc 15cm	cây	10,00	850.000	0,40	3.400.000	
IV	Cây trồng, vật nuôi không được bồi thường						
1	Mẫu đơn	cây	12,00				
2	Xạ đen	cây	5,00				
3	Nho đường kính gốc 5cm	cây	1,00				
4	Cây gỗ lát đường kính 10cm	cây	1,00				
5	Bơ đường kính gốc 6cm	cây	1,00				
6	Hoa dâm bụt	cây	3,00				
7	Đu đủ	cây	3,00				
8	Trứng gà đường kính gốc 3cm	cây	2,00				

9	Xi	cây	2,00				
10	Vôi đường kính gốc 3cm	cây	3,00				
11	Ồi đường kính gốc 5cm	cây	8,00				
12	Vôi đường kính gốc 5cm	cây	2,00				
13	Hoa giấy	cây	1,00				
14	Mít đường kính gốc 10cm	cây	1,00				
16	Sung đường kính gốc 50cm	cây	2,00				
17	Bưởi đường kính gốc 10cm	cây	1,00				
18	Bưởi đường kính gốc 5cm	cây	3,00				
19	Vôi đường kính gốc 25cm	cây	1,00				
20	Sung đường kính gốc 20cm	cây	1,00				
21	Ồi đường kính gốc 3cm	cây	1,00				
22	Roi đường kính gốc 10cm	cây	1,00				
23	Xoài đường kính gốc 10cm	cây	6,00				
24	Sung đường kính gốc 15cm	cây	1,00				
25	Sua đường kính gốc 10cm	cây	4,00				
26	Ruối	cây	3,00				
27	Hoa nhài đường kính gốc 3cm	cây	1,00				
28	Roi đường kính gốc 15cm	cây	1,00				
29	Na đường kính gốc 10cm	cây	2,00				
30	Xoài đường kính gốc 5cm	cây	1,00				
31	Ồi đường kính gốc 10cm	cây	1,00				
32	Lộc vừng	cây	3,00				
33	Đinh lăng	cây	2,00				
34	Dâu tằm	cây	2,00				
35	Thiết mộc lan	cây	3,00				
36	Mít	cây	1,00				
37	Ồi đường kính gốc 15cm	cây	1,00				
38	Kim tiền	cây	1,00				
39	Hoa ngâu	cây	2,00				
40	Na đường kính gốc 5cm	cây	3,00				
41	Chuối to 50 cây	khóm	10,00				
42	Chanh	cây	41,00				
IV	Vật nuôi là thủy sản nuôi trồng trên đất không hợp pháp được hỗ trợ theo Quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên						
1	Ao cá các loại KT: 12x12 m	m2	144,00	30.000	0,50	2.160.000	
	Cộng C					95.040.000	
D	CÁC KHOẢN HỖ TRỢ						
	Cộng D					0	
	Tổng cộng (A+B+C+D)					104.712.000	



Ký bởi: ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG
PHỐ HIẾN
Cơ quan: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
HƯNG YÊN

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

(Kèm theo Quyết định số: 2037/QĐ-UBND ngày 21/7/2026 của UBND phường Phò Hiến)

1. Họ và tên:

Phạm Văn Đà
2. Mã định danh cá nhân:
3. Địa chỉ:

TDP An Chiểu, Phường Phò Hiến
4. Vị trí thửa đất thu hồi:

Tờ bản đồ số: 139 Thửa số: 36/7
5. Nguồn gốc đất thu hồi:

Nhà nước giao đất theo NĐ64/CP
6. Phương án bồi thường, hỗ trợ theo bảng sau:

STT	Hạng mục công trình	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
A	ĐẤT ĐAI						
1	Tổng diện tích đất thu hồi	m2	161,30				
2	Diện tích đất trồng cây hàng năm (LUC)	m ²	126,0	100.000	1,00	12.600.000	
3	Diện tích đất dư	m2	35,30	0	0,00	0	
	CỘNG A					12.600.000	
B	TÀI SẢN						
I	Tài sản xây dựng không đúng mục đích sử dụng đất được hỗ trợ theo Quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên						
	Cộng B					0	
C	CÂY CỎI HOA MÀU, VẬT NUÔI						
I	Cây trồng đủ điều kiện bồi thường, hỗ trợ						
	Cộng C					0	
D	CÁC KHOẢN HỖ TRỢ						
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm (300.000đ/m ²)	m ²	126,00	100.000	3,00	37.800.000	
2	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh (Thực hiện điều 14, quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên)	m ²	126,00	8.000	1,00	1.008.000	
3	Thưởng tiền độ bàn giao đất trước thời hạn quy định (Thực hiện điều 17, quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên)	m ²	126,00	10.000	1,00	1.260.000	
4	Hỗ trợ đối với chi phí đầu tư cải tạo đất để chuyển đổi cơ cấu cây trồng (Thực hiện khoản 12, điều 26, quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên)	m ²	126,00	100.000	0,8	10.080.000	
	Cộng D					50.148.000	
	Tổng cộng (A+B+C+D)					62.748.000	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

(Kèm theo Quyết định số: 2037/QĐ-UBND ngày 21/7/2026 của UBND phường Phố Hiến)

1. Họ và tên:

Phạm Thị Dậu, Phạm Thị Đỗ, Phạm Thị Bột, Phạm Xuân Điều,
Phạm Văn Lê, Phạm Thị Liễu, Vũ Thị Lan, Phạm Kiên Anh,
Phạm Thị Ngà, Phạm Thị Ngọc
2. Mã định danh cá nhân:
3. Địa chỉ:

Thôn An Chiểu 2, Phường Phố Hiến
4. Vị trí thửa đất thu hồi:

Tờ bản đồ số: 139 Thửa số: 52/1
5. Nguồn gốc đất thu hồi:

Nhà nước giao đất theo ND64/CP
6. Phương án bồi thường, hỗ trợ theo bảng sau:

STT	Hạng mục công trình	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
A	ĐẤT ĐAI						
1	Tổng diện tích đất thu hồi	m2	644,00				
2	Diện tích đất trồng cây hàng năm (LUC)	m²	587,0	100.000	1,0	58.700.000	
3	Diện tích đất dư	m2	57,00	0		0	
	CỘNG A					58.700.000	
B	TÀI SẢN						
	Cộng B					0	
C	CÂY CỐI HOA MÀU, VẬT NUÔI						
I	Cây trồng đủ điều kiện bồi thường, hỗ trợ						
1	Ao rau muống + khoai tía riêng 98% diện tích thu hồi	m2	631	20.000	1,0	12.622.400	
II	Cây trồng được hỗ trợ công chặt hạ, thu dọn, di chuyển theo Quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên						
1	Chuối 8 cụm	khóm	8,00	60.000	0,8	384.000	
	Cộng C					13.006.000	
D	CÁC KHOẢN HỖ TRỢ						
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm (300.000đ/m²)	m²	587,00	100.000	3,0	176.100.000	
2	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh (Thực hiện điều 14, quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên)	m²	587,00	5.000	1,0	2.935.000	
3	Thưởng tiền độ bàn giao đất trước thời hạn quy định (Thực hiện điều 17, quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên)	m²	587,00	10.000	1,0	5.870.000	
	Cộng D					184.905.000	
	Tổng cộng (A+B+C+D)					256.611.000	



Ký bởi: ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG
PHỔ HIẾN
Cơ quan: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
HUNG YÊN

PHƯƠNG AN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

Kèm theo Quyết định số: 2037/QĐ-UBND ngày 21/7/2026 của UBND phường Phổ Hiến

- Họ và tên:
- Mã định danh cá nhân:
- Địa chỉ:
- Vị trí thửa đất thu hồi:
- Nguồn gốc đất thu hồi:
- Phương án bồi thường, hỗ trợ theo bảng sau:

Mai Thị Lương
TDP An Chiểu, Phường Phổ Hiến
Tờ bản đồ số: 139 Thửa số: 52/4
Nhà nước giao đất theo NĐ64/CP

STT	Hạng mục công trình	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)
A	ĐẤT ĐAI					
1	Tổng diện tích đất thu hồi	m2	1.508,00			
2	Diện tích đất trồng cây hàng năm (LUC)	m ²	1.508,0	100.000	1,00	150.800.000
3	Diện tích đất dư	m2	0,00	0,00		0
	CỘNG A					150.800.000
B	TÀI SẢN					
I	Tài sản xây dựng không đúng mục đích sử dụng đất được hỗ trợ theo Quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên					
1	Ông cống D300	m	4,00	355.000	0,30	426.000
2	Tường gạch ba banh kích thước 16x0,5x0,1m	m3	0,80	1.612.337	0,30	386.961
	Cộng B					813.000
C	CÂY CỎI HOA MÀU, VẬT NUÔI					
I	Cây trồng đủ điều kiện bồi thường, hỗ trợ					
1	Rau màu các loại 35x5m	m2	175,00	20.000	1,00	3.500.000
2	Rau màu các loại 2x30m	m2	60,00	20.000	1,00	1.200.000
3	Trồng sắn dây 15 ụ (4 tháng)	hố (ụ)	15,00	250.000	1,00	3.750.000
4	Ao trồng sen	m2	290,00	12.500	1,00	3.625.000
II	Cây trồng được hỗ trợ công chặt hạ, thu dọn, di chuyển theo Quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên					
1	Nhân đường kính 5cm	cây	1,00	1.125.000	0,50	562.500
2	Nhân đường kính 8cm	cây	2,00	2.700.000	0,50	2.700.000
3	Nhân đường kính 10cm	cây	1,00	2.700.000	0,50	1.350.000
III	Cây trồng xen hỗ trợ 50% công chặt hạ, thu dọn, di chuyển theo Quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên					
1	Mít đường kính 5cm	cây	1,00	500.000	0,25	125.000
2	Mít đường kính 15cm	cây	1,00	1.000.000	0,25	250.000
V	Cây trồng, vật nuôi không được bồi thường					
1	Chuối nhỏ 15 cây	khóm	3,00			
2	Chuối to 20 cây	khóm	4,00			
3	Bưởi đường kính 5cm	cây	5,00			
4	Mãng cầu đường kính 5cm	cây	1,00			
5	Xoài đường kính 10cm	cây	1,00			
	Cộng C					17.063.000
D	CÁC KHOẢN HỖ TRỢ					
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm (300.000đ/m ²)	m ²	1.508,00	100.000	3,0	452.400.000
2	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh (Thực hiện điều 14, quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên)	m ²	1.508,00	8.000	1,0	12.064.000
3	Thưởng tiến độ bàn giao đất trước thời hạn quy định (Thực hiện điều 17, quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên)	m ²	1.508,00	10.000	1,0	15.080.000
4	Hỗ trợ đối với chi phí đầu tư cải tạo đất để chuyển đổi cơ cấu cây trồng (Thực hiện khoản 12, điều 26, quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên)	m ²	983,00	100.000	0,8	78.640.000
	Cộng D					558.184.000
	Tổng cộng (A+B+C+D)					726.860.000



Ký bởi: ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG
PHỐ HIỂN
Cơ quan: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
HƯNG YÊN

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

(Kèm theo Quyết định số: 2037/QĐ-UBND ngày 21/7/2026 của UBND phường Phố Hiến)

- Họ và tên:
- Mã định danh cá nhân:
- Địa chỉ:
- Vị trí thửa đất thu hồi:
- Nguồn gốc đất thu hồi:
- Phương án bồi thường, hỗ trợ theo bảng sau:

Lều Quốc Việt

TDP An Chiếu, Phường Phố Hiến

Tờ bản đồ số: 139 Thửa số: 52/5

Nhà nước giao đất theo NĐ64/CP

STT	Hạng mục công trình	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)
A	ĐẤT ĐAI					
1	Tổng diện tích đất thu hồi	m2	1.267,00			
2	Diện tích đất trồng cây hàng năm (LUC)	m ²	1.267,0	100.000	1,00	126.700.000
3	Diện tích đất dư	m2	0,00	0	0,00	0
	CỘNG A					126.700.000
B	TÀI SẢN					
I	Tài sản xây dựng không đúng mục đích sử dụng đất được hỗ trợ theo Quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên					
1	Tường xây gạch ba banh dày 110 KT: (Chiều dài TĐx0,7x2bức)+(Chiều rộng TĐx0,9x2bức) Chiều dài: 97,73+102,12=199,85 Chiều rộng: 12,71+13,36=26,07	m3	17,97	1.612.337	0,30	8.691.809
2	Lưới B40 KT: (13,1x0,8)+(3,2x0,8)+(3,3x0,8)	m2	15,68	943.422	0,30	4.437.857
1	Ống cống D300	m	5,00	355.000	0,30	532.500
	Cộng B					13.662.000
C	CÂY CỎI HOA MÀU, VẬT NUÔI					
I	Cây trồng đủ điều kiện bồi thường, hỗ trợ					
1	Ao trồng rau muống KT: (97,7x4)m	m2	390,80	20.000	1,00	7.816.000
2	Trồng bắp cải KT: (4,4x2)m + (8,7x2,1)m	m2	27,07	17.500	1,00	473.725
3	Trồng rau rền KT:(8,1x3,4)m	m2	27,54	20.000	1,00	550.800
4	Trồng đỗ KT: [(7,5+5,2+2,4+5,2+2,3)x0,5]m	m2	11,30	20.000	1,00	226.000
II	Cây trồng được hỗ trợ công chặt hạ, thu dọn, di chuyển theo Quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên		876,20			
1	Cây nhãn đường kính gốc Ø10cm	cây	14,00	2.700.000	0,50	18.900.000
2	Cây nhãn đường kính gốc Ø12cm	cây	2,00	3.750.000	0,50	3.750.000
3	Cây nhãn đường kính gốc Ø8cm	cây	4,00	2.700.000	0,50	5.400.000
4	Cây nhãn đường kính gốc Ø7cm	cây	15,00	2.700.000	0,50	20.250.000
III	Cây trồng chính vượt mật độ được hỗ trợ công chặt hạ, thu dọn, di chuyển theo Quyết định 149 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên					
1	Cây nhãn đường kính gốc Ø7cm	cây	1,00	2.700.000	0,15	405.000
2	Cây nhãn đường kính gốc Ø5cm	cây	2,00	1.125.000	0,15	337.500
IV	Cây trồng xen hỗ trợ 30% công chặt hạ, thu dọn, di chuyển theo Quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên					
1	Cây mít đường kính gốc Ø10cm	cây	3,00	1.000.000	0,15	450.000

2	Cây mít đường kính gốc Ø7cm	cây	1,00	500.000	0,15	75.000
3	Cây mít đường kính gốc Ø5cm	cây	2,00	500.000	0,15	150.000
4	Cây mít đường kính gốc Ø12cm	cây	1,00	1.000.000	0,15	150.000
V	Cây trồng, vật nuôi không được bồi thường					
1	Cây nhãn đường kính gốc Ø5cm	cây	7,00	1.125.000		
2	Cây bưởi đường kính gốc Ø5cm	cây	2,00	1.100.000		
3	Cây bưởi đường kính gốc Ø7cm	cây	2,00	1.100.000		
4	Cây ôi đường kính gốc Ø15cm	cây	1,00	600.000		
5	Cây xoài đường kính gốc Ø3cm	cây	2,00	250.000		
6	Cây xoài đường kính gốc Ø15cm	cây	1,00	1.200.000		
8	Khóm chuối to	khóm	1,00	200.000		
9	Khóm chuối nhỏ	khóm	11,00	150.000		
	Cộng C					58.934.000
D	CÁC KHOẢN HỖ TRỢ					
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm (300.000đ/m ²)	m ²	1.267,00	100.000	3,0	380.100.000
2	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh (Thực hiện điều 14, quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên)	m ²	1.267,00	8.000	1,0	10.136.000
3	Thưởng tiền độ bàn giao đất trước thời hạn quy định (Thực hiện điều 17, quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên)	m ²	1.267,00	10.000	1,0	12.670.000
4	Hỗ trợ đối với chi phí đầu tư cải tạo đất để chuyển đổi cơ cấu cây trồng (Thực hiện khoản 12, điều 26, quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên)	m ²	876,20	100.000	0,8	70.096.000
	Cộng D					473.002.000
	Tổng cộng (A+B+C+D)					672.298.000



Ký bởi: ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG
PHỔ HIẾN
Cơ quan: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
HƯNG YÊN

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

Thực hiện theo Quyết định số: 2037/QĐ-UBND ngày 21/7/2026 của UBND phường Phò Hiên)

- Họ và tên:
- Mã định danh cá nhân:
- Địa chỉ:
- Vị trí thửa đất thu hồi:
- Nguồn gốc đất thu hồi:
- Phương án bồi thường, hỗ trợ theo bảng sau:

Lều Quốc Việt

TDP An Chiêu, Phường Phò Hiên

Tờ bản đồ số: 139 Thửa số: 54/6

Nhà nước giao đất theo ND64/CP

STT	Hạng mục công trình	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
A	ĐẤT ĐAI						
1	Tổng diện tích đất thu hồi	m ²	479,90				
2	Diện tích đất trồng cây hàng năm (LUC)	m ²	469,0	100.000	1,0	46.900.000	
3	Diện tích đất dư	m ²	10,90	0		0	
	CỘNG A					46.900.000	
B	TÀI SẢN						
I	Tài sản xây dựng không đúng mục đích sử dụng đất được hỗ trợ theo Quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên						
	Cộng B					0	
C	CÂY CỎI HOA MÀU, VẬT NUÔI						
I	Cây trồng đủ điều kiện bồi thường, hỗ trợ						
	Cộng C					0	
D	CÁC KHOẢN HỖ TRỢ						
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm (300.000đ/m ²)	m ²	469,00	100.000	3,0	140.700.000	
2	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh (Thực hiện điều 14, quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên)	m ²	469,00	8.000	1,0	3.752.000	
3	Thưởng tiền độ bàn giao đất trước thời hạn quy định (Thực hiện điều 17, quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên)	m ²	469,00	10.000	1,0	4.690.000	
4	Hỗ trợ đối với chi phí đầu tư cải tạo đất để chuyển đổi cơ cấu cây trồng (Thực hiện khoản 12, điều 26, quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên)	m ²	0,00	100.000	0,80	0	
	Cộng D					149.142.000	
	Tổng cộng (A+B+C+D)					196.042.000	



Ký bởi: ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG
PHỞ HIỀN
Cơ quan: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
HƯNG YÊN

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

Kèm theo Quyết định số: 2037/QĐ-UBND ngày 21/7/2026 của UBND phường Phở Hiền)

1. Họ và tên:

Đỗ Văn Phi (người có QLLQ Lều Ngọc Thái)
2. Mã định danh cá nhân:
3. Địa chỉ:

TDP An Chiểu, Phường Phở Hiền
4. Vị trí thửa đất thu hồi:

Tờ bản đồ số: 139 Thửa số: 54/5
5. Nguồn gốc đất thu hồi:

Nhà nước giao đất theo NĐ64/CP
6. Phương án bồi thường, hỗ trợ theo bảng sau:

STT	Hạng mục công trình	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
A	ĐẤT ĐAI						
1	Tổng diện tích đất thu hồi	m2	380,40				
2	Diện tích đất trồng cây hàng năm (LUC)	m²	378,0	100.000	1,0	37.800.000	
3	Diện tích đất dư	m2	2,40	0		0	
	CỘNG A					37.800.000	
B	TÀI SẢN						
I	Tài sản xây dựng không đúng mục đích sử dụng đất được hỗ trợ theo Quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên						
	Cộng B					0	
C	CÂY CỎI HOA MÀU, VẬT NUÔI						
I	Cây trồng đủ điều kiện bồi thường, hỗ trợ						
	Cộng C					0	
D	CÁC KHOẢN HỖ TRỢ						
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm (300.000đ/m²)	m²	378,00	100.000	3,0	113.400.000	
2	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh (Thực hiện điều 14, quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên)	m²	378,00	8.000	1,0	3.024.000	
3	Thưởng tiền độ bàn giao đất trước thời hạn quy định (Thực hiện điều 17, quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên)	m²	378,00	10.000	1,0	3.780.000	
4	Hỗ trợ đối với chi phí đầu tư cải tạo đất để chuyển đổi cơ cấu cây trồng (Thực hiện khoản 12, điều 26, quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên)	m²	0,00	100.000	0,80	0	
	Cộng D					120.204.000	
	Tổng cộng (A+B+C+D)					158.004.000	



Ký bởi: ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG
PHỔ HIỂN
Cơ quan: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
HUNG YÊN

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

(Kèm theo Quyết định số: 2037/QĐ-UBND ngày 21/7/2026 của UBND phường Phổ Hiến)

1. Họ và tên:

Tài sản ông Lều Quốc Việt (làm trên đất của Đỗ Văn Phi)

2. Mã định danh cá nhân:

3. Địa chỉ:

Thôn An Chiêu 2, Phường Phổ Hiến

4. Vị trí thửa đất thu hồi:

Tờ bản đồ số: 139 Thửa số: 54/5+54/6

5. Nguồn gốc đất thu hồi:

Nhà nước giao đất theo ND64/CP

6. Phương án bồi thường, hỗ trợ theo bảng sau:

STT	Hạng mục công trình	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)
A	ĐẤT ĐAI					
1	Tổng diện tích đất thu hồi	m2	855,30			
2	Diện tích đất trồng cây hàng năm (LUC)	m ²	842,0	100.000	0,00	0
3	Diện tích đất dư	m2	13,30	0		0
	CỘNG A					0
B	TÀI SẢN					
I	Tài sản xây dựng không đúng mục đích sử dụng đất được hỗ trợ theo Quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên					
1	Tường 110 bờ trụ KT: [1,1x(44,65+42,55)]+[1,1x19,5]	m3	12,91	2.165.333	0,30	8.386.789
2	Thép gai 3 dây KT: (44,65+42,5+19,5)x3	m	320,10	10.000	0,30	960.300
3	Lưới B40 KT: (19,5 x 1,3)	m2	25,35	943.422	0,30	7.174.724
	Cộng B					16.522.000
C	CÂY CỎI HOA MÀU, VẬT NUÔI					
I	Cây trồng đủ điều kiện bồi thường, hỗ trợ					
II	Cây trồng được hỗ trợ công chặt hạ, thu dọn, di chuyển theo Quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên		342,5			
1	Cây bưởi đường kính gốc Ø5cm	cây	3,00	1.100.000	0,50	1.650.000
2	Cây bưởi đường kính gốc Ø10cm	cây	5,00	1.800.000	0,50	4.500.000
3	Cây bưởi đường kính gốc Ø15cm	cây	3,00	2.500.000	0,50	3.750.000
III	Cây trồng xen hỗ trợ 50% công chặt hạ, thu dọn, di chuyển theo Quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên					
1	Cây xoài đường kính gốc Ø40cm	cây	1,00	1.600.000	0,25	400.000
2	Cây xoài đường kính gốc Ø20cm	cây	6,00	1.400.000	0,25	2.100.000
3	Cây xoài đường kính gốc Ø2cm	cây	3,00	250.000	0,25	187.500
4	Cây xoài đường kính gốc Ø10cm	cây	1,00	850.000	0,25	212.500
5	Cây xoài đường kính gốc Ø30cm	cây	1,00	1.600.000	0,25	400.000
IV	Vật nuôi là thủy sản nuôi trồng trên đất không hợp pháp được hỗ trợ theo Quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên					
1	Ao thả cá trắm, trôi, rô phi, ... KT: 13,5 x 37 m	m2	499,50	30.000	0,50	7.492.500
V	Cây trồng, vật nuôi không được bồi thường					
1	Cây sung đường kính gốc Ø2cm	cây	1,00			
2	Cây sung đường kính gốc Ø50cm	cây	1,00			
3	Cây sung đường kính gốc Ø20cm	cây	2,00			

4	Cây đình lăng đường kính gốc Ø10cm	cây	4,00			
5	Cây mít đường kính gốc Ø3cm	cây	2,00			
6	Cây mít đường kính gốc Ø10cm	cây	3,00			
7	Cây dừa đường kính gốc Ø40cm	cây	2,00			
8	Cây dừa đường kính gốc Ø25cm	cây	1,00			
9	Cây hồng xiêm đường kính gốc Ø12cm	cây	1,00			
10	Cây ôi đường kính gốc Ø10cm	cây	1,00			
11	Cây ôi đường kính gốc Ø15cm	cây	1,00			
	Cộng C					20.693.000
D	CÁC KHOẢN HỖ TRỢ					
	Cộng D					0
Tổng cộng (A+B+C+D)						37.215.000



Ký bởi: ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG
PHỔ HIỂN
Cơ quan: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
HUNG YÊN

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

(Kèm theo Quyết định số: 2037/QĐ-UBND ngày 21/7/2026 của UBND phường Phổ Hiến)

- 1. Họ và tên:
- 2. Mã định danh cá nhân:
- 3. Địa chỉ:
- 4. Vị trí thửa đất thu hồi:
- 5. Nguồn gốc đất thu hồi:
- 6. Phương án bồi thường, hỗ trợ theo bảng sau:

Lều Quốc Việt
Thôn An Chiểu 2, Phường Phổ Hiến
Tờ bản đồ số: 146 Thửa số: 43/3
Nhà nước giao đất theo ND64/CP

STT	Hạng mục công trình	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)
A	ĐẤT ĐAI					
1	Tổng diện tích đất thu hồi	m2	714,10			
2	Diện tích đất trồng cây hàng năm (LUC)	m ²	619,0	100.000	1,00	61.900.000
3	Diện tích đất dư	m2	95,10	0		0
	CỘNG A					61.900.000
B	TÀI SẢN					
I	Tài sản xây dựng không đúng mục đích sử dụng đất được hỗ trợ theo Quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên					
1	Tường rào đồ gạch đặc không trát dày 110 KT: [(18+16,2)m x 1,3m] + [(10+8,5)m x 0,7m]	m3	6,32	2.165.333	0,30	4.102.288
2	Lưới thép B40 KT: (15,5x1,0)m+(22x1,3)m+(18,5x1,5)m	m2	71,85	943.422	0,30	20.335.461
3	Dây thép gai KT: (16,2m x 3 sợi) + (10m x 2 sợi)	m2	68,60	10.000	0,30	205.800
4	Cọc bê tông KT: (0,1x0,15x1,5)x10	m3	0,23	165.000	0,30	11.138
	Cộng B					24.655.000
C	CÂY CỎI HOA MÀU, VẬT NUÔI					
I	Cây trồng đủ điều kiện bồi thường, hỗ trợ					
II	Cây trồng được hỗ trợ công chặt hạ, thu dọn, di chuyển theo Quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên		714			
1	Cây bưởi đường kính gốc Ø15cm	cây	5,00	2.500.000	0,50	6.250.000
2	Cây bưởi đường kính gốc Ø30cm	cây	2,00	3.000.000	0,50	3.000.000
3	Cây bưởi đường kính gốc Ø20cm	cây	5,00	2.500.000	0,50	6.250.000
4	Cây bưởi đường kính gốc Ø25cm	cây	2,00	3.000.000	0,50	3.000.000
5	Cây bưởi đường kính gốc Ø5cm	cây	3,00	1.100.000	0,50	1.650.000
6	Cây bưởi đường kính gốc Ø10cm	cây	1,00	1.800.000	0,50	900.000
III	Cây trồng xen hỗ trợ 50% công chặt hạ, thu dọn, di chuyển theo Quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên					
1	Cây xoài đường kính gốc Ø26cm	cây	2,00	1.400.000	0,25	700.000
2	Cây xoài đường kính gốc Ø30cm	cây	2,00	1.600.000	0,25	800.000

3	Cây xoài đường kính gốc Ø35cm	cây	2,00	1.600.000	0,25	800.000
4	Cây xoài đường kính gốc Ø15cm	cây	1,00	1.200.000	0,25	300.000
5	Cây xoài đường kính gốc Ø42cm	cây	2,00	1.600.000	0,25	800.000
IV	Cây trồng, vật nuôi không được bồi thường					
1	Cây cau đường kính gốc Ø14cm	cây	3,00	190.000		
2	Cây cau đường kính gốc Ø5cm	cây	13,00	75.000		
3	Cây hồng xiêm đường kính gốc Ø12cm	cây	1,00	850.000		
4	Cây mít đường kính gốc Ø10cm	cây	1,00	1.000.000		
5	Cây vối đường kính gốc Ø30cm	cây	1,00	520.000		
6	Cây ôi đường kính gốc Ø8cm	cây	3,00	500.000		
7	Cây sung đường kính gốc Ø40cm	cây	1,00			
8	Cây đinh lăng đường kính gốc Ø5cm	cây	2,00	200.000		
9	Cây đinh lăng đường kính gốc Ø7cm	cây	7,00	200.000		
11	Khóm chuối nhỏ	khóm	2,00	150.000		
12	Cây xương rồng đường kính gốc Ø10cm	cây	1,00			
13	Cây na đường kính gốc Ø3cm	cây	1,00	200.000		
14	Cây hồng xiêm đường kính gốc Ø10cm	cây	1,00	500.000		
15	Cây chay giống đường kính gốc Ø3cm	cây	1,00	250.000		
16	Cây sung đường kính gốc Ø50cm	cây	1,00			
17	Cây xoan ta đường kính gốc Ø3cm	cây	2,00	72.000		
18	Cây xoan đường kính gốc Ø10cm	cây	1,00	174.000		
	Cộng C					24.450.000
D	CÁC KHOẢN HỖ TRỢ					
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm (300.000đ/m ²)	m ²	619,00	100.000	3,0	185.700.000
2	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh (Thực hiện điều 14, quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên)	m ²	619,00	8.000	1,0	4.952.000
3	Thưởng tiến độ bàn giao đất trước thời hạn quy định (Thực hiện điều 17, quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên)	m ²	619,00	10.000	1,0	6.190.000
4	Hỗ trợ đối với chi phí đầu tư cải tạo đất để chuyển đổi cơ cấu cây trồng (Thực hiện khoản 12, điều 26, quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên)	m ²	619,00	100.000	0,8	49.520.000
	Cộng D					246.362.000
Tổng cộng (A+B+C+D)						357.367.000



Ký bởi: ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG
PHỔ HIỀN
Cơ quan: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
HƯNG YÊN

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

(Kèm theo Quyết định số: 2037/QĐ-UBND ngày 21/7/2026 của UBND phường Phổ Hiền)

1. Họ và tên:

2. Mã định danh cá nhân:

3. Địa chỉ:

4. Vị trí thửa đất thu hồi:

5. Nguồn gốc đất thu hồi:

6. Phương án bồi thường, hỗ trợ theo bảng sau:
- Lê Đức Hiền (vợ là Ngô Thị Mệnh)

TDP An Chiểu, Phường Phổ Hiền

Tờ bản đồ số: 139 Thửa số: 52/7

Nhà nước giao đất theo NĐ64/CP

STT	Hạng mục công trình	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
A	ĐẤT ĐAI						
1	Tổng diện tích đất thu hồi	m2	781,40				
2	Diện tích đất trồng cây hàng năm (LUC)	m²	698,0	100.000	1,0	69.800.000	
3	Diện tích đất dư	m2	83,40			0	
	CỘNG A					69.800.000	
B	TÀI SẢN						
I	Tài sản xây dựng không đúng mục đích sử dụng đất được hỗ trợ theo Quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên						
1	Tường xây gạch bo quanh ruộng 1 mặt KT: 6,93Mx cao 35 cm x dày 22 cm	m3	0,53	1.949.168	0,3	312.029	
	Cộng B					312.000	
C	CÂY CỎI HOA MÀU, VẬT NUÔI						
I	Cây trồng đủ điều kiện bồi thường, hỗ trợ						
1	Trồng lúa bằng 1/2 diện tích thu hồi	m2	391	10.000	1,0	3.907.000	
2	Trồng sen bằng 1/2 diện tích thu hồi	m2	391	12.500	1,0	4.884.000	
	Cộng C					8.791.000	
D	CÁC KHOẢN HỖ TRỢ						
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm (300.000đ/m²)	m²	698,00	100.000	3,0	209.400.000	
2	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh (Thực hiện điều 14, quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên)	m²	698,00	5.000	1,0	3.490.000	
3	Thưởng tiền độ bàn giao đất trước thời hạn quy định (Thực hiện điều 17, quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên)	m²	698,00	10.000	1,0	6.980.000	
	Cộng D					219.870.000	
	Tổng cộng (A+B+C+D)					298.773.000	

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

(Kèm theo Quyết định số: 2037/QĐ-UBND ngày 21/7/2026 của UBND phường Phố Hiến)

1. Họ và tên:

Vũ Thanh Thuận
2. Mã định danh cá nhân:
3. Địa chỉ:

TDP An Chiếu, Phường Phố Hiến
4. Vị trí thửa đất thu hồi:

Tờ bản đồ số: 139 Thửa số: 52/8
5. Nguồn gốc đất thu hồi:
5. Nguồn gốc đất thu hồi:

Nhà nước giao đất theo ND64/CP

STT	Hạng mục công trình	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
A	ĐẤT ĐAI			Đơn giá (đồng)			
1	Tổng diện tích đất thu hồi	m2	1.887,10				
2	Diện tích đất trồng cây hàng năm (LUC)	m²	1.804,0	100.000	1,0	180.400.000	
3	Diện tích đất dư	m2	83,10	0		0	
	CỘNG A					180.400.000	
B	TÀI SẢN						
	Cộng B					0	
C	CÂY CỐI HOA MÀU, VẬT NUÔI						
I	Cây trồng đủ điều kiện bồi thường, hỗ trợ						
1	Trồng lúa bằng 1/2 diện tích thu hồi	m2	944	10.000	1,0	9.436.000	
2	Trồng rau màu bằng 1/2 diện tích thu hồi	m2	944	20.000	1,0	18.871.000	
	Cộng C					28.307.000	
D	CÁC KHOẢN HỖ TRỢ						
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm (300.000đ/m²)	m²	1.804,00	100.000	3,0	541.200.000	
2	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh (Thực hiện điều 14, quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên)	m²	1.804,00	5.000	1,0	9.020.000	
3	Thưởng tiến độ bàn giao đất trước thời hạn quy định (Thực hiện điều 17, quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên)	m²	1.804,00	10.000	1,0	18.040.000	
	Cộng D					568.260.000	
	Tổng cộng (A+B+C+D)					776.967.000	



Ký bởi: ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG
PHỐ HIẾN
Cơ quan: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
HƯNG YÊN

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

(Kèm theo Quyết định số: 2037/QĐ-UBND ngày 21/7/2026 của UBND phường Phò Hiến)

1. Họ và tên:

Hà Tất Thắng
2. Mã định danh cá nhân:
3. Địa chỉ:

TDP An Chiểu, Phường Phò Hiến
4. Vị trí thửa đất thu hồi:

Tờ bản đồ số: 139 Thửa số: 52/9
5. Nguồn gốc đất thu hồi:

Nhà nước giao đất theo ND64/CP
6. Phương án bồi thường, hỗ trợ theo bảng sau:

STT	Hạng mục công trình	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
A	ĐẤT ĐAI						
1	Tổng diện tích đất thu hồi	m2	1.645,70				
2	Diện tích đất trồng cây hàng năm (LUC)	m²	1.494,0	100.000	1,0	149.400.000	
3	Diện tích đất dư	m2	151,70			0	
	CỘNG A					149.400.000	
B	TÀI SẢN						
1	Tường xây gạch đỏ xây bo quanh 2 mặt h= 35cm KT: (35,29+27,26)x0,22	m3	4,82	1.949.168	0,3	2.816.363	
	Cộng B					2.816.000	
C	CÂY CỎI HOA MÀU, VẬT NUÔI						
I	Cây trồng đủ điều kiện bồi thường, hỗ trợ						
1	Rau màu các loại bằng diện tích còn lại	m2	1.631	20.000	1,0	32.614.000	
2	Cà gai leo	m2	15	18.000	1,0	270.000	
II	Cây trồng được hỗ trợ công chặt hạ, thu dọn, di chuyển theo Quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên						
1	Cây chùm ngây đường kính Ø35cm	cây	3	600.000	0,5	900.000	
III	Cây trồng xen được hỗ trợ công chặt hạ, thu dọn, di chuyển theo Quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên						
1	Cây vối đường kính Ø35cm	cây	1	520.000	0,25	130.000	
	Cộng C					33.914.000	
D	CÁC KHOẢN HỖ TRỢ						
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm (300.000đ/m²)	m²	1.494,00	100.000	3,0	448.200.000	
2	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh (Thực hiện điều 14, quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên)	m²	1.494,00	5.000	1,0	7.470.000	
3	Thưởng tiền độ bàn giao đất trước thời hạn quy định (Thực hiện điều 17, quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên)	m²	1.494,00	10.000	1,0	14.940.000	
	Cộng D					470.610.000	
Tổng cộng (A+B+C+D)						656.740.000	



PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

(Kèm theo Quyết định số: 2037/QĐ-UBND ngày 21/7/2026 của UBND phường Phố Hiến)

1. Họ và tên:

Mai Văn Ngữ
2. Mã định danh cá nhân:
3. Địa chỉ:

TDP An Chiểu, Phường Phố Hiến
4. Vị trí thửa đất thu hồi:

Tờ bản đồ số: 139 Thửa số: 53
5. Nguồn gốc đất thu hồi:

Nhà nước giao đất theo ND64/CP
6. Phương án bồi thường, hỗ trợ theo bảng sau:

STT	Hạng mục công trình	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
A	ĐẤT ĐAI						
1	Tổng diện tích đất thu hồi	m2	1.514,40				
2	Diện tích đất trồng cây hàng năm (LUC)	m²	1.314,0	100.000	1,0	131.400.000	
3	Diện tích đất dư	m2	200,40			0	
	CỘNG A					131.400.000	
B	TÀI SẢN						
I	Tài sản xây dựng không đúng mục đích sử dụng đất được hỗ trợ theo Quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên						
1	Tường xây gạch ba banh KT: (20,43+3,77+63,45)x0,35x0,11	m3	3,37	1.612.337	0,3	1.632.261	
	Cộng B					1.632.000	
C	CÂY CỎI HOA MÀU, VẬT NUÔI						
I	Cây trồng đủ điều kiện bồi thường, hỗ trợ						
1	Trồng sen bằng diện tích thu hồi	m2	1.514	12.500	1,0	18.930.000	
	Cộng C					18.930.000	
D	CÁC KHOẢN HỖ TRỢ						
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm (300.000đ/m²)	m²	1.314,00	100.000	3,0	394.200.000	
2	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh (Thực hiện điều 14, quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên)	m²	1.314,00	5.000	1,0	6.570.000	
3	Thưởng tiến độ bàn giao đất trước thời hạn quy định (Thực hiện điều 17, quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên)	m²	1.314,00	10.000	1,0	13.140.000	
	Cộng D					413.910.000	
	Tổng cộng (A+B+C+D)					565.872.000	



Ký bởi: ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG
PHỔ HIỀN
Cơ quan: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
HƯNG YÊN

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

Kiểm tra theo Quyết định số: 2037/QĐ-UBND ngày 21/7/2026 của UBND phường Phổ Hiền)

1. Họ và tên:

Đỗ Văn Tân, Đỗ Thị Phường, Đỗ Xuân Trường, Đỗ Văn Chinh, Đỗ Thị Dự,
Đỗ Văn Phi, Đỗ Văn Thanh, Đỗ Thị Liệu, Đỗ Văn Thêm, Đỗ Thị Nụ

2. Mã định danh cá nhân:

3. Địa chỉ:

TDP An Chiểu, Phường Phổ Hiền

4. Vị trí thửa đất thu hồi:

Tờ bản đồ số: 139 Thửa số: 54/1

5. Nguồn gốc đất thu hồi:

Nhà nước giao đất theo ND64/CP

6. Phương án bồi thường, hỗ trợ theo bảng sau:

STT	Hạng mục công trình	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
A	ĐẤT ĐAI						
1	Tổng diện tích đất thu hồi	m2	583,70				
2	Diện tích đất trồng cây hàng năm (LUC)	m2	576,0	100.000	1,00	57.600.000	
3	Diện tích đất dư	m2	7,70			0	
	CỘNG A					57.600.000	
B	TÀI SẢN						
I	Tài sản xây dựng không đúng mục đích sử dụng đất được hỗ trợ theo Quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên						
	Cộng B					0	
C	CÂY CỎI HOA MÀU, VẬT NUÔI						
I	Cây trồng đủ điều kiện bồi thường, hỗ trợ						
	Cộng C					0	
D	CÁC KHOẢN HỖ TRỢ						
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm (300.000đ/m²)	m²	576,00	100.000	3,00	172.800.000	
2	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh (Thực hiện điều 14, quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên)	m²	576,00	8.000	1,00	4.608.000	
3	Thưởng tiền độ bàn giao đất trước thời hạn quy định (Thực hiện điều 17, quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên)	m²	576,00	10.000	1,00	5.760.000	
4	Hỗ trợ đối với chi phí đầu tư cải tạo đất để chuyển đổi cơ cấu cây trồng (Thực hiện khoản 12, điều 26, quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên)	m²	0,00	100.000	0,80	0	
	Cộng D					183.168.000	
	Tổng cộng (A+B+C+D)					240.768.000	



Ký bởi: ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG
PHỐ HIẾN
Cơ quan: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
HƯNG YÊN

PHƯỜNG AN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

(Kèm theo Quyết định số: 2037/QĐ-UBND ngày 21/7/2026 của UBND phường Phố Hiến)

1. Họ và tên:

Đỗ Đức Chinh
2. Mã định danh cá nhân:
3. Địa chỉ:

TDP An Chiếu, Phường Phố Hiến
4. Vị trí thửa đất thu hồi:

Tờ bản đồ số: 139 Thửa số: 54/2
5. Nguồn gốc đất thu hồi:

Nhà nước giao đất theo ND64/CP
6. Phương án bồi thường, hỗ trợ theo bảng sau:

STT	Hạng mục công trình	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
A	ĐẤT ĐAI						
1	Tổng diện tích đất thu hồi	m2	537,50				
2	Diện tích đất trồng cây hàng năm (LUC)	m ²	529,0	100.000	1,00	52.900.000	
3	Diện tích đất dư	m2	8,50			0	
	CỘNG A					52.900.000	
B	TÀI SẢN						
I	Tài sản xây dựng không đúng mục đích sử dụng đất được hỗ trợ theo Quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên						
	Cộng B					0	
C	CÂY CỐI HOA MÀU, VẬT NUÔI						
I	Cây trồng đủ điều kiện bồi thường, hỗ trợ						
	Cộng C					0	
D	CÁC KHOẢN HỖ TRỢ						
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm (300.000đ/m ²)	m ²	529,00	100.000	3,00	158.700.000	
2	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh (Thực hiện điều 14, quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên)	m ²	529,00	8.000	1,00	4.232.000	
3	Thưởng tiền độ bàn giao đất trước thời hạn quy định (Thực hiện điều 17, quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên)	m ²	529,00	10.000	1,00	5.290.000	
4	Hỗ trợ đối với chi phí đầu tư cải tạo đất để chuyển đổi cơ cấu cây trồng (Thực hiện khoản 12, điều 26, quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên)	m ²	0,00	100.000	0,80	0	
	Cộng D					168.222.000	
Tổng cộng (A+B+C+D)						221.122.000	



Ký bởi: ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG
PHỐ HIỂN
Cơ quan: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
HƯNG YÊN

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

(làm theo Quyết định số: 2037/QĐ-UBND ngày 21/7/2026 của UBND phường Phố Hiến)

1. Họ và tên:

2. Mã định danh cá nhân:

3. Địa chỉ:

4. Vị trí thửa đất thu hồi:

5. Nguồn gốc đất thu hồi:

6. Phương án bồi thường, hỗ trợ theo bảng sau:
- Tài sản ông Đỗ Đức Chinh (làm trên đất ông Đỗ Văn Tân)

TDP An Chiểu, Phường Phố Hiến

Tờ bản đồ số: 139 Thửa số: 54/1+54/2

Nhà nước giao đất theo NĐ64/CP

STT	Hạng mục công trình	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
A	ĐẤT ĐAI						
1	Tổng diện tích đất thu hồi	m2	1.121,20				
2	Diện tích đất trồng cây hàng năm (LUC)	m ²	1.121,2	100.000	0,00	0	
3	Diện tích đất dư	m2	0,00			0	
	CỘNG A					0	
B	TÀI SẢN						
I	Tài sản xây dựng không đúng mục đích sử dụng đất được hỗ trợ theo Quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên						
1	Dây thép gai quấn quanh vườn	m	714,90	10.000	0,30	2.144.700	
2	Công sắt khung thép B40	m2	1,20	133.744	0,30	48.148	
	Cộng B					2.193.000	
C	CÂY CỎI HOA MÀU, VẬT NUÔI						
I	Cây trồng đủ điều kiện bồi thường, hỗ trợ						
1	Cải xoong	m2	3	20.000	1,00	60.000	
II	Cây trồng được hỗ trợ công chặt hạ, thu dọn, di chuyển theo Quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên		538,6				
1	Nhân đường kính Ø45cm	cây	1	4.500.000	0,80	3.600.000	
2	Nhân đường kính Ø15cm	cây	1	3.750.000	0,80	3.000.000	
3	Nhân đường kính Ø20cm	cây	4	3.850.000	0,80	12.320.000	
4	Nhân đường kính Ø30cm	cây	2	4.500.000	0,80	7.200.000	
5	Nhân đường kính Ø35cm	cây	7	4.500.000	0,80	25.200.000	
6	Nhân đường kính Ø10cm	cây	1	2.700.000	0,80	2.160.000	
7	Nhân đường kính Ø40cm	cây	6	4.500.000	0,80	21.600.000	
III	Cây trồng chính vượt mật độ được hỗ trợ công chặt hạ, thu dọn, di chuyển theo Quyết định 149 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên						
1	Nhân đường kính Ø10cm	cây	1	2.700.000	0,24	648.000	
IV	Cây trồng xen hỗ trợ 30% công chặt hạ, thu dọn, di chuyển theo Quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên						
1	Mít đường kính Ø20cm	cây	3	1.500.000	0,24	1.080.000	
V	Vật nuôi là thủy sản nuôi trồng trên đất không hợp pháp được hỗ trợ theo Quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên						
1	Ao nuôi cá trôi, trắm , mè	m2	579,6	30.000	0,50	8.694.000	

VI	Cây trồng, vật nuôi không được bồi thường						
1	Chuối	bụi	2	0	0,00	0	
2	Chuối(ngoài hành lang giao thông)	bụi	3	0	0,00	0	
3	Chanh ta	cây	2	0	0,00	0	
4	Táo đường kính Ø60cm	cây	1	0	0,00	0	
5	Xoan ta đường kính Ø15cm	cây	2	0	0,00	0	
2	Nhãn đường kính Ø40cm(ngoài hành lang giao thông)	cây	2	0	0,00	0	
	Cộng C					85.562.000	
D	CÁC KHOẢN HỖ TRỢ						
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm (300.000đ/m²)	m²	1.121,20	100.000	0,00	0	
3	Thưởng tiến độ bàn giao đất trước thời hạn quy định (Thực hiện điều 17, quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên)	m²	1.121,20	10.000	0,00	0	
4	Hỗ trợ đối với chi phí đầu tư cải tạo đất để chuyển đổi cơ cấu cây trồng (Thực hiện khoản 12, điều 26, quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên)	m²	541,60	100.000	0,00	0	
	Cộng D					0	
	Tổng cộng (A+B+C+D)					87.755.000	



Ký bởi: ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG
PHỐ HIỀN
Cơ quan: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
HƯNG YÊN

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

(Thực hiện theo Quyết định số: 2037/QĐ-UBND ngày 21/7/2026 của UBND phường Phở Hiền)

1. Họ và tên:

2. Mã định danh cá nhân:

3. Địa chỉ:

4. Vị trí thửa đất thu hồi:

5. Nguồn gốc đất thu hồi:

6. Phương án bồi thường, hỗ trợ theo bảng sau:
- Mai Ngọc Xanh

TDP An Chiểu, Phường Phở Hiền

Tờ bản đồ số: 139 Thửa số: 54/3

Nhà nước giao đất theo ND64/CP

STT	Hạng mục công trình	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
A	ĐẤT ĐAI						
1	Tổng diện tích đất thu hồi	m2	338,40				
2	Diện tích đất trồng cây hàng năm (LUC)	m²	313,0	100.000	1,0	31.300.000	
3	Diện tích đất dư	m2	25,40				
	CỘNG A					31.300.000	
B	TÀI SẢN						
	Cộng B					0	
C	CÂY CỎI HOA MÀU, VẬT NUÔI						
I	Cây trồng đủ điều kiện bồi thường, hỗ trợ						
1	Trồng rau muống nước bằng diện tích thu hồi	m2	338,4	20.000	1,0	6.768.000	
	Cộng C					6.768.000	
D	CÁC KHOẢN HỖ TRỢ						
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm (300.000đ/m²)	m²	313,00	100.000	3,0	93.900.000	
2	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh (Thực hiện điều 14, quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên)	m²	313,00	5.000	1,0	1.565.000	
3	Thưởng tiến độ bàn giao đất trước thời hạn quy định (Thực hiện điều 17, quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên)	m²	313,00	10.000	1,0	3.130.000	
	Cộng D					98.595.000	
	Tổng cộng (A+B+C+D)					136.663.000	



Ký bởi: ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG
PHỔ HIỀN
Cơ quan: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
H. D. PHƯỜNG PHỔ HIỀN

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

(Theo Quyết định số: 2037/QĐ-UBND ngày 21/7/2026 của UBND phường Phở Hiền)

- Họ và tên:
- Mã định danh cá nhân:
- Địa chỉ:
- Vị trí thửa đất thu hồi:
- Nguồn gốc đất thu hồi:
- Phương án bồi thường, hỗ trợ theo bảng sau:

Đặng Thị Hạnh
TDP An Chiêu, Phường Phở Hiền
Tờ bản đồ số: 139 Thửa số: 54/4
Nhà nước giao đất theo NĐ64/CP

STT	Hạng mục công trình	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
A	ĐẤT ĐAI						
1	Tổng diện tích đất thu hồi	m ²	250,50				
2	Diện tích đất trồng cây hàng năm (LUC)	m ²	169,0	100.000	1,0	16.900.000	
3	Diện tích đất dư	m ²	81,50				
	CỘNG A					16.900.000	
B	TÀI SẢN						
	CỘNG B					0	
C	CÂY CỎI HOA MÀU, VẬT NUÔI						
I	Cây trồng đủ điều kiện bồi thường, hỗ trợ						
1	Trồng rau muống nước bằng diện tích thu hồi	m ²	250,50	20.000	1,0	5.010.000	
II	Cây trồng, vật nuôi không được bồi thường						
1	Trồng cây nhãn đường kính Ø30cm(đất hành lang giao thông)	cây	1	0	0,0	0	
2	Trồng cây nhãn đường kính Ø40cm(đất hành lang giao thông)	cây	1	0	0,0	0	
	Cộng C					5.010.000	
D	CÁC KHOẢN HỖ TRỢ						
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm (300.000đ/m ²)	m ²	169,00	100.000	3,0	50.700.000	
2	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh (Thực hiện điều 14, quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên)	m ²	169,00	5.000	1,0	845.000	
3	Thưởng tiền độ bàn giao đất trước thời hạn quy định (Thực hiện điều 17, quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên)	m ²	169,00	10.000	1,0	1.690.000	
	Cộng D					53.235.000	
	Tổng cộng (A+B+C+D)					75.145.000	



PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

(Kèm theo Quyết định số: 2037/QĐ-UBND ngày 21/7/2026 của UBND phường Phố Hiến)

- Họ và tên:
- Mã định danh cá nhân:
- Địa chỉ:
- Vị trí thửa đất thu hồi:
- Nguồn gốc đất thu hồi:
- Phương án bồi thường, hỗ trợ theo bảng sau:

Đỗ Xuân Trường

TDP An Chiểu, Phường Phố Hiến

Tờ bản đồ số: 139 Thửa số: 54/7

Nhà nước giao đất theo NĐ64/CP

STT	Hạng mục công trình	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)
A	ĐẤT ĐAI					
1	Tổng diện tích đất thu hồi	m2	432,50			
2	Diện tích đất trồng cây hàng năm (LUC)	m ²	410,0	100.000	1,00	41.000.000
3	Diện tích đất dư	m2	22,50			0
	CỘNG A					41.000.000
B	TÀI SẢN					
I	Tài sản xây dựng không đúng mục đích sử dụng đất được hỗ trợ theo Quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên					0
	Cộng B					0
C	CÂY CỎI HOA MÀU, VẬT NUÔI					
I	Cây trồng đủ điều kiện bồi thường, hỗ trợ					
1	Ruộng rau muống KT: 5mx50m	m2	250,00	20.000	1,00	5.000.000
II	Cây trồng được hỗ trợ công chặt hạ, thu dọn, di chuyển theo Quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên		182,50			
1	Cây nhãn đường kính gốc Ø30cm	cây	1,00	3.850.000	0,80	3.080.000
2	Cây nhãn đường kính gốc Ø35cm	cây	1,00	4.500.000	0,80	3.600.000
3	Cây nhãn đường kính gốc Ø30cm	cây	1,00	3.850.000	0,80	3.080.000
4	Cây nhãn đường kính gốc Ø25cm	cây	2,00	3.850.000	0,80	6.160.000
5	Cây nhãn đường kính gốc Ø20cm	cây	1,00	3.850.000	0,80	3.080.000
III	Cây trồng xen hỗ trợ 50% công chặt hạ, thu dọn, di chuyển theo Quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên					
IV	Cây trồng, vật nuôi không được bồi thường					
1	Cây bưởi đường kính gốc Ø15cm	cây	1,00	2.500.000		
2	Cây ổi đường kính gốc Ø15cm	cây	1,00	600.000		
3	Cây cau đường kính gốc Ø15cm	cây	1,00	240.000		
4	Cây sung đường kính gốc Ø20cm	cây	1,00			
5	Cây vối đường kính gốc Ø20cm	cây	1,00	378.000		
	Cộng C					26.000.000
D	CÁC KHOẢN HỖ TRỢ					
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm (300.000đ/m ²)	m ²	410,00	100.000	3,00	123.000.000

2	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh (Thực hiện điều 14, quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên)	m ²	410,00	5.000	1,00	2.050.000
3	Thưởng tiền độ bàn giao đất trước thời hạn quy định (Thực hiện điều 17, quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên)	m ²	410,00	10.000	1,00	4.100.000
4	Hỗ trợ đối với chi phí đầu tư cải tạo đất để chuyển đổi cơ cấu cây trồng (Thực hiện khoản 12, điều 26, quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên)	m ²	160,00	100.000	0,80	12.800.000
	Cộng D					141.950.000
	Tổng cộng (A+B+C+D)					208.950.000



Ký bởi: ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG
PHỔ HIẾN
Cơ quan: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
HUNG YEN

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

Kèm theo Quyết định số: 2037/QĐ-UBND ngày 21/7/2026 của UBND phường Phổ Hiến)

1. Họ và tên:

Mai Văn Thịnh

2. Mã định danh cá nhân:

3. Địa chỉ:

TDP An Chiếu, Phường Phổ Hiến

4. Vị trí thửa đất thu hồi:

Tờ bản đồ số:

146

Thửa số:

43/1

5. Nguồn gốc đất thu hồi:

Nhà nước giao đất theo ND64/CP

STT	Hạng mục công trình	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá	Hệ số	Thành tiền (đồng)
A	ĐẤT ĐAI			Đơn giá (đồng)		
1	Tổng diện tích đất thu hồi	m2	171,60			
2	Diện tích đất trồng cây hàng năm (LUC)	m ²	144,0	100.000	1,00	14.400.000
3	Diện tích đất dư	m2	27,60			0
	CỘNG A					14.400.000
B	TÀI SẢN					
I	Tài sản xây dựng không đúng mục đích sử dụng đất được hỗ trợ theo Quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên					
1	Tường gạch ba banh bờ trụ cao 1,3m KT: 13,5x1,3	m3	1,93	1.612.337	0,30	933.785
	Cộng B					933.785
C	CÂY CỎI HOA MÀU, VẬT NUÔI					
I	Cây trồng đủ điều kiện bồi thường, hỗ trợ					
1	Rau màu (cà chua, ngô, bí ngô) bằng 3/4 diện tích đất thu hồi	m2	128,70	24.000	1,00	3.088.800
II	Cây trồng được hỗ trợ công chặt hạ, thu dọn, di chuyển theo Quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên		171,60			
1	Nhãn đường kính 25cm	cây	1,00	3.850.000	0,80	3.080.000
1	Nhãn đường kính 20cm	cây	1,00	3.850.000	0,80	3.080.000
III	Cây trồng chính vượt mật độ được hỗ trợ công chặt hạ, thu dọn, di chuyển theo Quyết định 149 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên					
IV	Cây trồng xen hỗ trợ 30% công chặt hạ, thu dọn, di chuyển theo Quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên					
1	Cau đường kính 10cm	cây	2,00	140.000	0,24	67.200
2	Cau đường kính 15cm	cây	2,00	240.000	0,24	115.200
3	Cau đường kính 20cm	cây	5,00	320.000	0,24	384.000
V	Cây trồng, vật nuôi không được bồi thường					
1	Chuối giống	cây	1,00			
2	Chuối to 10 cây	khóm	2,00			
3	Chuối nhỏ 20 cây	khóm	4,00			

4	Xương rồng	khóm	1,00			
5	Thanh long	khóm	2,00			
6	Hồng xiêm đường kính 5cm	cây	1,00			
7	Hồng xiêm đường kính 10cm	cây	1,00			
8	Hoa đào đường kính 5cm	cây	1,00			
9	Bơ đường kính 10cm	cây	1,00			
10	Bưởi đường kính 20cm	cây	1,00			
11	Mít đường kính 10cm	cây	1,00			
12	Mít đường kính 5cm	cây	1,00			
	Cộng C					9.815.200
D	CÁC KHOẢN HỖ TRỢ					
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm (300.000đ/m ²)	m ²	144,00	100.000	3,00	43.200.000
2	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh (Thực hiện điều 14, quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên)	m ²	144,00	8.000	1,00	1.152.000
3	Thưởng tiền độ bàn giao đất trước thời hạn quy định (Thực hiện điều 17, quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên)	m ²	144,00	10.000	1,00	1.440.000
4	Hỗ trợ đối với chi phí đầu tư cải tạo đất để chuyển đổi cơ cấu cây trồng (Thực hiện khoản 12, điều 26, quyết định 01 ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên)	m ²	144,00	100.000	0,8	11.520.000
	Cộng D					57.312.000
	Tổng cộng (A+B+C+D)					82.461.000



DỰ TOÁN KINH PHÍ GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG

(theo Quyết định số: 2037/QĐ-UBND ngày 21/7/2026 của UBND phường Phố Hiến)

Dự án: Khu dân cư quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở xã Liên Phường (thôn An Chiếu 2)

A - Nguồn kinh phí được trích 253.000.000 đ

B- Dự toán chi tiết như sau:

- | | | | |
|----|--|---|--------------|
| 1. | Chi tuyên truyền các chính sách, chế độ về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; tổ chức vận động các đối tượng liên quan thực hiện quyết định thu hồi đất | = | 20.000.000 đ |
| 2. | Chi điều tra, khảo sát, ghi nhận hiện trạng, đo đạc, thống kê, phân loại diện tích đất, xác định nguồn gốc đất và tài sản gắn liền với đất (Chi Phát tờ khai, hướng dẫn người bị thiệt hại kê khai, đo đạc, kiểm kê...) | = | 90.000.000 đ |
| 1. | Chi lập, trình, công khai phương án bồi thường, hỗ trợ, TĐC. | = | 15.000.000 đ |
| 2. | Chi tổ chức chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ tái định cư theo phương án được duyệt | = | 10.000.000 đ |
| 5. | Chi phí hướng dẫn giải quyết vướng mắc trong tổ chức thực hiện phương án | = | 30.000.000 đ |
| 3. | Thuê, mua sắm máy móc thiết bị để thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường; Chi phí in ấn, pho to tài liệu, văn phòng phẩm, vật tư, dụng cụ, thông tin liên lạc, xăng xe.....: | = | 31.000.000 đ |
| 4. | Chi thẩm định, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, TĐC (Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Phố Hiến). | = | 38.000.000 đ |
| 9. | Chi khác có liên quan trực tiếp đến việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ tái định cư (Chi thuê mướn, chi chè, nước Hội nghị,...) | = | 19.000.000 đ |

TỔNG CỘNG:

253.000.000 đ

(Bằng chữ: Hai trăm năm mươi ba triệu đồng chẵn)